

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV



CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG
CAO BẰNG CAST IRON & STEEL JSC (CISCO)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **NĂM 2018**

Cao Bằng, tháng 3 năm 2019

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ..... | 2 |
| DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT..... | 3 |
| NỘI DUNG | 4 |
| I. Thông tin chung | 4 |
| 1. Thông tin khái quát..... | 4 |
| 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 5 |
| 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý..... | 6 |
| 4. Định hướng phát triển | 11 |
| 5. Các rủi ro | 12 |
| II. Tình hình hoạt động trong năm:..... | 14 |
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 14 |
| 2. Tổ chức và nhân sự:..... | 17 |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án..... | 22 |
| 4. Tình hình tài chính..... | 22 |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 23 |
| III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc..... | 27 |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 27 |
| 2. Tình hình tài chính..... | 34 |
| 3. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm:..... | 35 |
| 4. Công tác cung ứng vật tư:..... | 35 |
| 5. Công tác Kế hoạch giá thành và tiêu thụ sản phẩm: | 35 |
| 6. Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất:..... | 36 |
| 7. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý..... | 36 |
| 8. Kế hoạch phát triển trong tương lai..... | 36 |
| 10. Báo cáo tác động liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty..... | 38 |
| IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty | 39 |
| 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội..... | 39 |
| 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty..... | 40 |
| 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị..... | 40 |
| V. Quản trị Công ty..... | 41 |
| 1. Hội đồng quản trị | 41 |
| 2. Ban Kiểm soát..... | 49 |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát | 52 |

| | | |
|------------|---------------------------------------|-----------|
| VI. | Báo cáo tài chính..... | 52 |
| 1. | Ý kiến kiểm toán | 52 |
| 2. | Báo cáo tài chính được kiểm toán..... | 53 |

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

| | | |
|-------------|--|----|
| Sơ đồ 1: | Sơ đồ tổ chức quản lý của Công ty | 6 |
| Bảng số 1: | Ngành nghề kinh doanh của Công ty..... | 5 |
| Bảng số 2: | Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 - 2018 | 14 |
| Bảng số 3: | Cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2017 - 2018..... | 15 |
| Bảng số 4: | Cơ cấu chi phí của Công ty năm 2017 - 2018..... | 16 |
| Bảng số 5: | Danh sách thành viên Ban Điều hành..... | 17 |
| Bảng số 6: | Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 | 20 |
| Bảng số 7: | Tình hình tài chính của Công ty năm 2017 - 2018..... | 22 |
| Bảng số 8: | Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 23 |
| Bảng số 9: | Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2018..... | 23 |
| Bảng số 10: | Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2018..... | 24 |
| Bảng số 12: | Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018..... | 34 |
| Bảng số 13: | Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2017 - 2018..... | 34 |
| Bảng số 14: | Danh sách thành viên Hội đồng quản trị..... | 41 |
| Bảng số 15: | Danh sách thành viên Ban Kiểm soát..... | 49 |
| Bảng số 16: | Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát | 52 |

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|-------|-----------------------|
| QĐ | Quyết định |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| DTT | Doanh thu thuần |
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| CMND | Chứng minh nhân dân |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| TGD | Tổng giám đốc |
| CTCP | Công ty cổ phần |
| CBCNV | Cán bộ công nhân viên |

NỘI DUNG

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 4800162247 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 18/10/2006, sửa đổi lần thứ 07 ngày 01/09/2016
- Vốn điều lệ : 430.063.660.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 430.063.660.000 đồng
- Địa chỉ : Số 52 phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
- Số điện thoại : 026 3822999
- Số fax : 026 3953268
- Website : <http://gtcb.com.vn>
- Mã chứng khoán (nếu có) : CBI

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng được thành lập theo quyết định số 2155/QĐ-HĐQT ngày 05/10/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam với hoạt động kinh doanh chính là sản xuất phôi thép từ quặng sắt được khai thác tại mỏ sắt Nà Rụa thuộc phường Tân Giang, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4800162247 ngày 18/10/2006 và cấp thay đổi lần 7 ngày 01/09/2016. Vốn điều lệ đăng ký ban đầu của công ty là 100 tỷ đồng, tương ứng 10.000.000 cổ phần.

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng được thành lập nhằm khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương – một tỉnh miền núi giàu tài nguyên khoáng sản, nhưng lâu nay chỉ chủ yếu khai thác và xuất khẩu quặng thô. Vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty khoáng sản đóng góp 60%, Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng đóng góp 30% và Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đóng góp 10%. Với nhiệm vụ thăm dò khai thác quặng sắt tại mỏ sắt Nà Rụa và đầu tư xây dựng nhà máy gang thép công suất 179m³, sản xuất 221.000 tấn phôi thép/năm sẽ thu hút toàn bộ nguyên liệu để sản xuất thành sản phẩm công nghiệp, góp phần nâng cao và ổn định sản lượng sắt thép, tăng thu

ngân sách và giải quyết việc làm cho trên 1.100 lao động tạo bước đột phá cho sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương.

Sau khi được thành lập, Công ty đã ổn định tổ chức đi vào hoạt động với nhiệm vụ chính bước đầu là thực hiện dự án Xây dựng Khu liên hợp gang thép Cao Bằng và dự án khai thác mỏ sắt Nà Rạ cung cấp nguồn nguyên liệu ổn định cho Nhà máy. Từ khi đi vào hoạt động, Công ty đã tiến hành giải phóng, san gạt mặt bằng Khu tái định cư và mặt bằng xây dựng Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng với tổng mức đầu tư 1.911 tỷ đồng. Đây là dự án được áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến của Trung Quốc. Bao gồm tổ hợp nhà máy thiêu kết công suất 399.200 tấn quặng sắt thiêu kết/năm; lò cao dung tích 179m³ công suất 219.000 tấn nước gang/năm; lò chuyển luyện thép dung tích thiết kế 25 tấn /m³. Tổng công suất thiết kế của nhà máy đạt 221.600 tấn phôi thép/năm, doanh thu ước đạt 1.500 tỷ đồng/năm. Bên cạnh đó Công ty đã hoàn thành công tác thăm dò và lập báo cáo, trình Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản phê duyệt trữ lượng mỏ sắt Nà Rạ; lập báo cáo đầu tư khai thác lộ thiên mỏ. Dự án khai thác mỏ sắt Nà Rạ tại địa bàn phường Tân Giang, thị xã Cao Bằng với tổng trữ lượng đạt hơn 16.700 nghìn tấn quặng sắt, sản lượng khai thác đạt 350.000 tấn tinh quặng sắt/năm, đáp ứng nguồn nguyên liệu chất lượng và ổn định cho khu liên hợp Gang thép.

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng hoạt động ổn định và từng bước phát triển theo đúng định hướng và mục tiêu ban đầu của Công ty, hình thành Khu liên hợp khai thác, chế biến, tinh luyện khoáng sản, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh.

Ngày 23/01/2017, Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

Ngày 21/09/2017, Công ty đã được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 43.006.366 cổ phiếu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

↳ Ngành nghề kinh doanh:

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|-----------------------|
| 1 | Khai thác quặng sắt Chi tiết: - Khảo sát, thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản | 0710 (Chính) |
| 2 | - Tư vấn thiết kế mỏ, tư vấn đầu tư khai thác, tuyển luyện, chế biến các loại khoáng sản. | Ngành, nghề chưa khớp |

| | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn, chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực địa chất, khai thác mỏ và luyện kim. - Thiết kế, chế tạo, gia công, sửa chữa, xuất nhập khẩu các loại hàng hóa, vật tư, thiết bị thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim. - Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại gang thép và vật liệu xây dựng. - Dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa. - Sản xuất kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm. | mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |
|---|--|

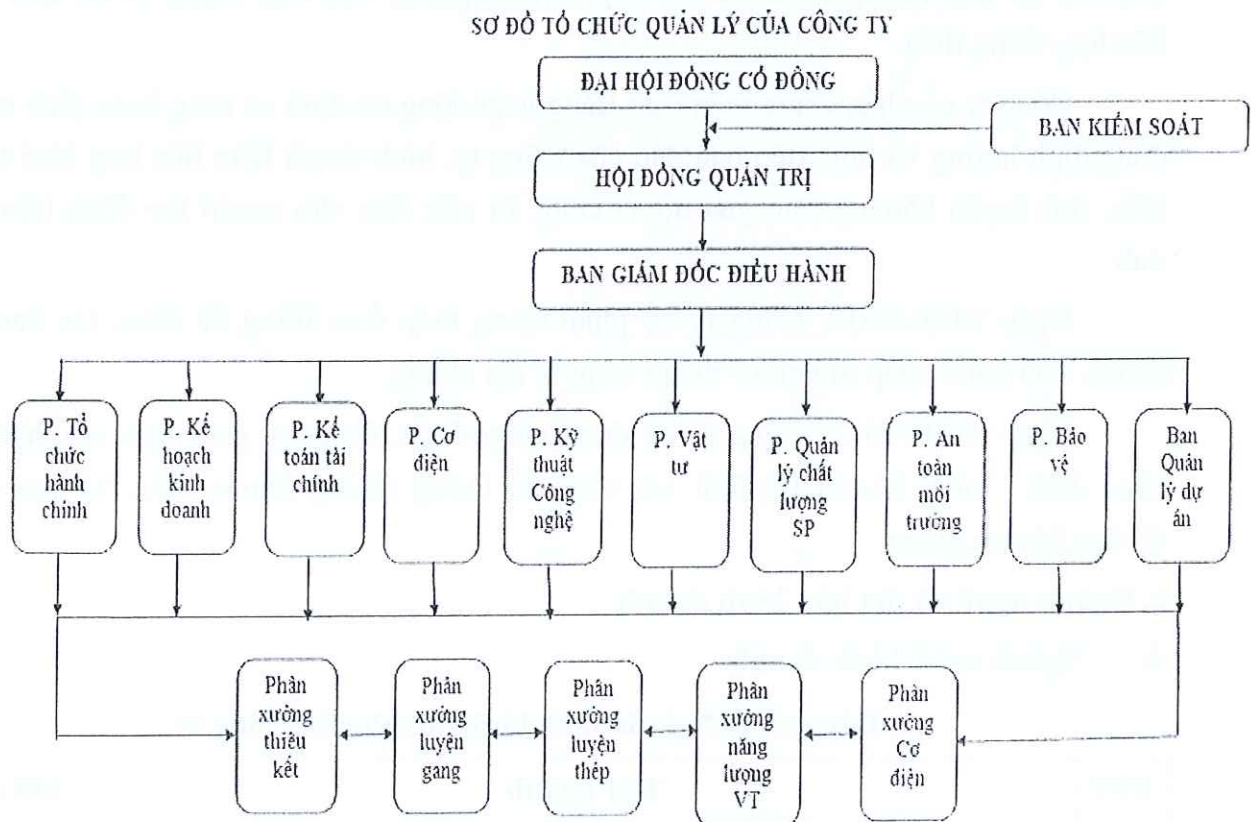
(Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4800162247 của Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 05, ngày 23 tháng 05 năm 2013)

✦ **Hoạt động kinh doanh chủ yếu:** Sản xuất gang, phôi thép

✦ **Địa bàn kinh doanh:** Tỉnh Cao Bằng

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng)

3.1 Đại Hội đồng Cổ đông

ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền. Đại hội đồng cổ đông có quyền hạn và nhiệm vụ:

- Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, của Hội đồng quản trị và của kiểm toán viên;
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

3.2 Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty). Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông quy định:

- Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;
- Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương theo chức năng;
- Đề xuất các loại cổ phiếu phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định, duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Công ty quy định.

3.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty:

- Kiểm tra giám sát toàn bộ mọi hoạt động trong nội bộ Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Hằng năm, trình ĐHĐCĐ các báo cáo thẩm tra tài chính, những sự kiện tài chính bất thường, những sự kiện có thể tác động xấu đến quyền và lợi ích của Công ty, nêu ra những nhận xét về ưu và khuyết điểm trong quản lý của HĐQT và Giám đốc;
- Yêu cầu triệu tập họp HĐQT hoặc ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Công ty.

3.4 Ban Giám đốc điều hành

Ban Giám đốc gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

Ban Giám đốc điều hành là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về toàn bộ việc tổ chức kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Các quyền và nhiệm vụ của Giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty.

Giúp việc cho Giám đốc là các Phó Giám đốc. Giám đốc sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định cho các Phó Giám đốc.

Kế toán trưởng: Giúp việc cho Giám đốc trong công tác tài chính, kế toán của Công ty. Tổ chức phân tích các hoạt động kinh tế trong Công ty một cách thường xuyên, đánh giá kết quả và hiệu quả kế hoạch kinh doanh của Công ty, nghiên cứu cải tiến tổ chức kinh doanh nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn kinh doanh, đồng vốn của Công ty.

Ban Giám đốc là bộ phận điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- Đại diện Công ty trước Pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

3.5 Các phòng ban chức năng

✦ *Phòng Tổ chức – Hành chính*

Phòng Tổ chức – Hành chính là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của Công ty có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện công tác tổ chức, lao động tiền lương, công tác thi đua khen thưởng, quản lý hành chính, y tế và chăm lo sức khỏe của người lao động. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

✦ *Phòng Kế hoạch kinh doanh*

Phòng Kế hoạch kinh doanh là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của Công ty cổ phần, có chức năng tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn, tìm hiểu khai thác thị trường, đầu tư phát triển sản xuất, liên doanh liên kết trong và ngoài Công ty cổ phần. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

✦ *Phòng Kế toán - Tài chính*

Phòng Kế toán – Tài chính là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của Công ty, tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực quản lý tài chính và tổ chức hạch toán kế toán. Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng các chuẩn mực và Luật Kế toán hiện hành nhằm phản ánh kịp thời, chính xác, đầy đủ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và tình hình tài sản của Công ty. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

✚ *Phòng Vật tư*

Phòng Vật tư là phòng quản lý chức năng có trách nhiệm tham mưu giúp việc HĐQT, Ban Giám đốc về công tác vật tư theo “Quy chế quản lý công tác vật tư”. Xây dựng kế hoạch mua sắm các chủng loại vật tư, phụ tùng, nguyên vật liệu, năng lượng cho sản xuất. Tổ chức quản lý hệ thống kho tàng đảm bảo ngăn nắp không để hư hao thất thoát. Thực hiện cấp phát đúng quy định.

✚ *Phòng Kỹ thuật Công nghệ*

Phòng Kỹ thuật Công nghệ là phòng quản lý chức năng của Công ty có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT và Ban Giám đốc về công tác quản lý kỹ thuật, điều độ sản xuất trong lĩnh vực khai thác mỏ, tuyển khoáng, luyện kim, công tác khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Tổ chức thực hiện điều độ sản xuất, kiểm tra giám sát hàng ca, hàng ngày phát hiện những ách tắc trong sản xuất, đề ra biện pháp giải quyết, nếu vượt quá thẩm quyền phải báo cáo Ban giám đốc giải quyết.

✚ *Phòng Cơ điện*

Phòng cơ điện là phòng quản lý chức năng của Công ty có chức năng tham mưu giúp việc HĐQT, Ban Giám đốc thực hiện quản lý công tác cơ điện của Công ty. Định kỳ kiểm tra rà soát, biên lập bổ sung, hệ thống hóa các tài liệu kỹ thuật, văn bản quản lý cơ điện, các bản vẽ, catalog kỹ thuật... để lưu trữ trong quá trình quản lý, vận hành sử dụng, sửa chữa các tài sản là máy móc thiết bị. Xây dựng kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng các cấp máy móc thiết bị.

✚ *Phòng Quản lý chất lượng sản phẩm*

Là phòng quản lý chức năng của Công ty, có chức năng tham mưu giúp việc HĐQT, Ban Giám đốc về công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, kiểm tra chất lượng hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu.

✚ *Phòng An toàn môi trường*

Là phòng quản lý chức năng của Công ty có chức năng tham mưu giúp việc HĐQT, Ban Giám đốc về công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường.

✚ *Phòng Bảo vệ quân sự*

Phòng bảo vệ quân sự quản lý công tác bảo vệ, quân sự và dân quân tự vệ của Công ty. Tham gia triển khai công tác quân sự, dân quân tự vệ với địa phương khi được yêu cầu.

3.6 Các công ty con, công ty liên kết

a. *Các công ty con:*

Không có.

b. *Các công ty liên kết:*

Không có.

4. Định hướng phát triển

⌚ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên giỏi về chuyên môn, năng động, sáng tạo, nhạy bén thích ứng, có năng lực quản lý để đưa Công ty phát triển ngày một vững mạnh.

Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định trên cơ sở mở rộng quy mô kinh doanh để đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đảm bảo quyền lợi của tất cả nhà đầu tư.

Nhập khẩu các công nghệ và thiết bị hiện đại, trước hết là công nghệ nguồn lực, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả.

⌚ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng định hướng duy trì và phát triển mảng hoạt động kinh doanh truyền thống:

- Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh với các thị trường, khách hàng truyền thống mà Công ty hiện đang có, đẩy mạnh chính sách bán hàng, tiếp thị sản phẩm của Công ty.

- Tích cực mở rộng thêm thị trường các khu vực lân cận, thị trường ngoài Tổng công ty, tạo tiền đề cho phát triển các năm tiếp theo.

- Dưới những tác động của nhân tố khách quan, bộ máy quản lý của Công ty chỉ đạo điều hành cán bộ Công nhân viên nỗ lực hoàn thành chỉ tiêu năm 2017 đã đặt ra.

- Trong thời gian tới, Công ty thực hiện chiến lược kinh doanh tổng hòa các mối quan hệ giữa yếu tố con người và năng lực tài chính.

- + Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, hoạch định chính sách: Việc nâng cao năng lực của các cán bộ chuyên môn cần được đưa lên hàng đầu. Trong thời gian tới, cần chủ động nâng cao trình độ quản lý, bồi dưỡng và hướng dẫn những kiến thức tối thiểu về kinh tế, về kế hoạch cho tất cả các cán bộ quản lý, công nhân và người lao động trong công ty.

- + Nâng cao năng lực tài chính: Tăng cường tích lũy nội bộ, gia tăng lợi nhuận. Sử dụng nguồn vốn hợp lý, tích cực thu hồi các khoản nợ vay, phải thu nhằm tăng khả năng cạnh tranh trong kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính.

⌚ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Đầu tư nâng cấp đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đồng thời tiết kiệm điện năng, nguyên vật liệu. Công ty tập trung vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhưng mục tiêu ưu tiên hàng đầu là bảo vệ môi trường và cảnh quan xung quanh nhà máy cũng như của người dân địa phương, hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

5. Các rủi ro

5.1 Rủi ro kinh tế:

Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống được tạo ra từ yếu tố kinh tế vĩ mô (ví dụ như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, tỷ giá, lãi suất,...) đều ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nói riêng. Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới đóng vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp. Ngược lại, nếu nền kinh tế có những biến động bất thường hoặc rơi vào suy thoái thì các yếu tố lạm phát, tỷ giá, lãi suất sẽ tăng cao và khiến cho nhu cầu xây dựng giảm mạnh, làm rào cản cho sự phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu đều đạt mức tăng trưởng khả quan. Tuy nhiên, xu hướng gia tăng của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng những thay đổi về địa chính trị, chính sách thương mại của một số nước lớn đang là những thách thức đối với nền kinh tế trong nước.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2018 đạt 6,81%, vượt mục tiêu đề ra là 6,7% và cũng vượt mọi dự báo, ước tính trước đó của các tổ chức quốc tế, các chuyên gia kinh tế cũng như của Chính phủ Việt Nam. Trong đó, các chỉ số ấn tượng như dự trữ ngoại tệ, thu hút đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp khai sinh, xuất khẩu từ các ngành, lĩnh vực đều tăng mạnh, chỉ số chứng khoán lập kỷ lục. Tuy nhiên, năm 2019, nền kinh tế tiếp tục đứng trước nhiều cơ hội nhưng cũng xen lẫn nhiều thách thức, bất lợi. Mức tăng trưởng của các ngành kinh tế chưa có sự đồng đều, sức hấp thụ vốn chậm, tồn kho hàng hóa vẫn còn ở mức cao. Nền kinh tế năm 2019 có sự đánh giá tốt hơn, khả quan hơn năm 2018 nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều khó khăn và rủi ro tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực khai khoáng.

▪ *Rủi ro về lạm phát:*

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thị trường chứng khoán. Nhận thức rõ điều này, lạm phát luôn là chỉ số được Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng theo dõi chặt chẽ để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động của mình.

▪ *Rủi ro về lãi suất:*

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và

mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó. Năm 2018, việc giảm lãi suất cho vay vẫn hết sức khó khăn do nhiều nguyên nhân, trong đó mấu chốt vẫn là chưa thể giảm lãi suất huy động để hỗ trợ giảm lãi suất cho vay. Theo dự báo, nửa cuối năm 2018, lãi suất huy động có thể tăng do áp lực từ việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) dự kiến điều chỉnh 3 lần tăng lãi suất. Sự biến động của tỷ giá USD sẽ tác động tới chính sách tiền tệ, điều hành tỉ giá và cung tiền trên thị trường.

Hiện nay, Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, tích cực đàm phán với các ngân hàng để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

5.2 Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty. Công ty có chính sách phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã trích lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

5.3 Rủi ro luật pháp:

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động ở lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật thuế, Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan đến thị trường chứng khoán, Luật Khoáng sản, Luật Môi trường,... Hiện nay, hệ thống chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực khoáng sản chưa được hoàn thiện và còn thiếu tính đồng bộ, tạo ra nhiều trở ngại và khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới. Để phù hợp với các quy định của quốc tế, sự thay đổi về chính sách quản lý, các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp như Nghị định 71/2017/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng và Thông tư 95/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn chi tiết cho Nghị định 71, là điều tất yếu để phù hợp với các yêu cầu, thông lệ quốc tế, nâng cao khả năng quản trị của các doanh nghiệp. Ban điều hành luôn lưu ý và cập nhật các văn bản pháp luật mới nhất có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo tuân thủ sự quản lý của Chính phủ và các cơ quan, ban ngành.

✦ **Rủi ro đặc thù:**

- **Thị trường:**

Với nhu cầu phát triển kinh tế và cơ sở hạ tầng trong nước vẫn còn rất lớn, Hiệp hội thép đưa ra số liệu dự báo về sản lượng thép Việt Nam tới năm 2020 là 10 triệu tấn gang, 18 triệu tấn phôi thép và 22 triệu tấn thành phẩm; và tầm nhìn tới năm 2025 là 18 triệu tấn gang, 25 triệu tấn phôi thép và 30 triệu tấn thành phẩm. Do đó, sự tăng trưởng cho các doanh nghiệp ngành thép vẫn còn rất lớn.

Công ty đã và đang nghiên cứu đánh giá nhu cầu thị trường để từ đó đầu tư chế biến sâu các sản phẩm như thép xây dựng, thép hình, thép phục vụ cho công nghiệp chế tạo ... Đặc biệt sản phẩm phôi thép CT5 được Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam bao tiêu toàn bộ khoảng 160.000 tấn/năm phục vụ sản xuất cho các Công ty con trong tập đoàn.

- **Rủi ro về nguyên liệu đầu vào:** Chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng lớn, chính vì vậy việc giá cả các nguồn nguyên vật liệu biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Giá than cốc 9 tháng đầu năm không ổn định, nhưng đến cuối năm thì đã có xu hướng tăng mạnh. Tính chung trong năm 2018, giá than cốc đã tăng khoảng 35% tại mức 304,16 USD/tấn

- **Rủi ro về thời tiết:** Hầu hết các mỏ đều lộ thiên, do đó mà những thay đổi về thời tiết như mưa nhiều với lượng mưa lớn sẽ gây khó khăn cho công tác khai thác quặng sắt phục vụ cho sản xuất của Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng và tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn.

✦ **Rủi ro khác**

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như rủi ro do hỏa hoạn, thiên tai; rủi ro trong quá trình chào hàng, đàm phán và ký kết hợp đồng,... những rủi ro này cũng có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, Công ty có thể gặp phải các rủi ro trong quá trình thi công như: Tai nạn lao động hay các sự cố trong quá trình thi công. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty luôn tham gia đóng phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng số 2: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 - 2018

| Chỉ tiêu | Năm 2017 (đồng) | Năm 2018 (đồng) | % so với năm 2017 |
|--|--------------------|--------------------|----------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.183.608.948.721 | 1.803.432.879.761 | 82,59 % |
| Doanh thu thuần | 2.183.608.948.721 | 1.803.432.879.761 | 82,59 % |

| | | | |
|------------------------------|-----------------|-----------------|---|
| Lợi nhuận gộp | 152.143.136.114 | 175.634.783.227 | \ |
| Lợi nhuận thuần | 4.221.149.436 | 19.820.301.799 | \ |
| Lợi nhuận khác | (1.920.799.569) | (995.221.783) | \ |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 2.300.349.867 | 18.825.080.016 | \ |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.300.349.867 | 18.825.080.016 | \ |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, năm 2018 của Công ty)

Vấn đề cần nhấn mạnh trong Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tính đến thời điểm 31/12/2017, lỗ lũy kế của Công ty là 273.035.491.775 đồng, tại ngày này nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 435.120.363.741 đồng làm nghi ngờ đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai gần. Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên giả định hoạt động liên tục do Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng hoạt động của Công ty trong tương lai sẽ có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được cung cấp tài chính từ các tổ chức tín dụng cũng như các cổ đông và nhà đầu tư.

– Cơ cấu doanh thu:

Bảng số 3: Cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2017 - 2018

| Chỉ tiêu | Năm 2017 (đồng) | Tỷ trọng (%) | Năm 2018 (đồng) | Tỷ trọng (%) | % so với năm 2017 |
|-------------------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|-------------------------|
| Doanh thu thuần từ HĐSXKD | 2.183.608.948.721 | 99,86 | 1.803.432.879.761 | 100,03 | 82,59 |
| Doanh thu bán sản phẩm | 2.179.185.920.691 | 99,66 | 1.792.008.607.084 | 99,34 | 82,23 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 4.423.028.030 | 0,20 | 11.424.272.677 | 0,63 | 258,29 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 2.856.822.985 | 0,13 | 539.132.233 | 0,03 | 18,87 |
| Thu nhập khác | 101.822.183 | 0,01 | 12.726.274 | 0,0007 | 12,50 |
| Tổng doanh thu | 2.186.567.593.889 | 100 | 1.803.984.738.268 | 100 | 100 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 của Công ty)

Năm 2018, Công ty tiếp tục khai thác khu Nam và đẩy nhanh tiến độ đền bù giải phóng mặt bằng khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ để tập trung khai thác quặng sắt đảm bảo cung cấp đủ quặng sắt cho sản xuất của Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng, đồng thời ổn định dây chuyền luyện gang thép đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Doanh thu trong năm 2018 của Công ty đạt 1.803,43 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2017 (đạt 82,59%) là 2.183,6 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính

(sản xuất phôi thép) chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu Tổng doanh thu của Công ty (bình quân khoảng 99%).

Cơ cấu chi phí:

Bảng số 4: Cơ cấu chi phí của Công ty năm 2017 - 2018

| Chỉ tiêu | Năm 2017 (đồng) | Tỷ trọng so với DTT (%) | Năm 2018 (đồng) | Tỷ trọng so với DTT (%) |
|----------------------------------|--------------------------|-------------------------------|--------------------------|----------------------------|
| Giá vốn hàng bán | 2.031.465.812.607 | 92,91 | 1.627.798.096.534 | 90,26 |
| - Giá vốn hàng bán sản phẩm | 2.028.178.898.720 | 92,76 | 1.613.382.288.270 | 89,46 |
| - Giá vốn hàng bán dịch vụ | 5.165.342.648 | 0,24 | 14.415808.264 | 0,80 |
| - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (1.878.428.761) | - | - | - |
| Chi phí tài chính | 132.937.311.566 | 6,08 | 130.091.679.778 | 7,21 |
| - Chi phí lãi vay | 127.889.077.767 | 5,85 | 108.982.707.861 | 6,04 |
| Chi phí bán hàng | 3.688.479.068 | 0,17 | 6.231.617.500 | 0,35 |
| Chi phí QLDN | 14.153.019.029 | 0,65 | 20.030.316.383 | 1,11 |
| Chi phí khác | 2.022.621.752 | 0,09 | 1.007.948.057 | 0,06 |
| Tổng chi phí | 2.312.156.321.789 | 105,74 | 1.894.142.366.113 | 105,03 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 của Công ty)

Năm 2018, do tình hình thị trường nguyên liệu đầu vào của Công ty có nhiều biến động, giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh, nhất là vào những tháng cuối năm. Tiếp tục đà tăng năm 2017, tính chung trong năm 2018, giá than cốc đã tăng. Cụ thể giá than cốc để luyện gang trung bình đạt 9,820 triệu đồng/tấn, làm cho giá vốn hàng bán sản phẩm tăng mạnh. Bên cạnh đó, do dự án đầu tư của Công ty đã đi vào hoạt động, chi phí lãi vay đầu tư được tính vào chi phí đã làm tăng chi phí lãi vay, năm 2016 ghi nhận chi phí tài chính là 130 tỷ đồng (trong đó chi phí lãi vay là 104 tỷ đồng) và năm 2017 là 133 tỷ đồng (trong đó chi phí lãi vay là 128 tỷ đồng), năm 2018 ghi nhận chi phí tài chính là 130 tỷ đồng (trong đó chi phí lãi vay là 108 tỷ đồng) dẫn đến không đạt kế hoạch đề ra.

✦ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh so với kế hoạch năm 2018:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2018 điều chỉnh | Thực hiện năm 2018 | Tỷ lệ % |
|----------|------------------|------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| A | B | C | 2 | 3 | 4=3/2 |
| I | Sản lượng | Tấn | | | |
| 1 | Bóc đất, đá | M3 | 900.000 | 746.755 | 82,97 |

| | | | | | |
|-----------|----------------------|-------------|-----------|-----------|-------|
| 2 | Quặng sắt NK | Tấn | 320.000 | 277.816 | 86,82 |
| 3 | Phôi thép | Tấn | | | |
| - | Sản xuất | Tấn | 190.000 | 185.538 | 97,65 |
| - | Tiêu thụ | Tấn | 190.000 | 146.484 | 77,1 |
| II | Giá trị | Tr.đ | | | |
| 1 | Doanh thu | Tr.đ | 2.207.000 | 1.803.432 | 81,71 |
| 2 | Lợi nhuận | Tr.đ | 15.000 | 18.825 | 125,5 |
| 3 | Lao động, tiền lương | | | | |
| - | Quỹ tiền lương | Người | 73.708 | 74.908 | 101,6 |
| - | Lao động sử dụng bq | Tr.đ/ng/thg | 885 | 885 | 100 |
| - | Tiền lương bình quân | Người | 6,94 | 7,05 | 101,6 |
| 4 | Nộp ngân sách | Tr.đ | 89.355 | 38.581 | 64,91 |

(Nguồn: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng)

2. Tổ chức và nhân sự:

✚ Danh sách ban điều hành:

Bảng số 5: Danh sách thành viên Ban Điều hành

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|----------------|
| 1 | Ông Vương Thanh Giang | Tổng Giám đốc |
| 2 | Ông Trần Văn Chương | Phó Giám đốc |
| 3 | Ông Tô Xuân Thanh | Phó Giám đốc |
| 4 | Ông Đỗ Ngọc Hải | Kế toán trưởng |

▪ Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành của thành viên Ban Điều hành:

| | |
|-----------------------|---|
| Họ và tên | : VƯƠNG THANH GIANG |
| - Số CMND | : 080450356, công an Cao Bằng cấp ngày 13/12/2012 |
| - Giới tính | : Nam |
| - Ngày tháng năm sinh | : 09/09/1977 |
| - Quốc tịch | : Việt Nam |
| - Dân tộc | : Nùng |
| - Địa chỉ thường trú | : Số 097 tổ 4, phường Sông Hiến, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng |
| - Địa chỉ hiện tại | : Số 097 tổ 4, phường Sông Hiến, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng |
| - Trình độ chuyên môn | : Kỹ sư Điện tự động hóa |
| - Quá trình Công tác | |
| + Từ 2001 đến 2008 | : Kỹ thuật viên tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng |
| + Từ 2008 đến 10/2008 | : Phó Giám đốc Xí nghiệp Luyện gang tại Công ty cổ phần Khoáng sản và |

| | |
|---|--|
| + Từ 11/2008 đến 08/2010 | : Luyện kim Cao Bằng : Giám đốc Xi nghiệp Luyện gang tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng |
| + Từ 09/2010 đến 03/2013 | : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng |
| + Từ 04/2013 đến 10/2014 | : Phó Giám đốc Công ty Luyện đồng Lào Cai |
| + Từ 11/2014 đến 04/2016 | : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng |
| + Từ 05/2016 đến nay | : Giám đốc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng |
| + Từ 04/2011 đến nay | : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng |
| - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | : Không |
| - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu | : 4.000 cổ phần, chiếm 0,009% vốn điều lệ |
| - Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (Tổng Công ty Khoáng sản – TKV) | : 7.000.000 cổ phần, chiếm 16,28% vốn điều lệ |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | : Không |
| - Các khoản nợ đối với Công ty | : Không |
| - Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty | : Thù lao thành viên HĐQT |
| - Lợi ích liên quan đối với Công ty | : Không |
| Họ và tên | : TRẦN VĂN CHUỜNG |
| - Số CMND | : 162781220, cấp ngày 06/04/2015 |
| - Giới tính | : Nam |
| - Ngày sinh | : 16/02/1987 |
| - Quốc tịch | : Việt Nam |
| - Dân tộc | : Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | : 2/44 ngõ Góc Mít, phường Vị Xuyên, TP Nam Định, tỉnh Nam Định |
| - Địa chỉ hiện tại | : 2/44 ngõ Góc Mít, phường Vị Xuyên, TP Nam Định, tỉnh Nam Định |
| - Trình độ chuyên môn | : Kỹ sư Khai thác mỏ |
| - Quá trình Công tác | |
| + Từ 04/2010 đến 04/2011 | : Công ty CP than Hà Lâm |
| + Từ 04/2011 đến 09/2015 | : Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng |
| + Từ 09/2015 đến 04/2017 | : Tổng công ty Khoáng sản - TKV |
| + Từ 04/2017 đến nay | : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng |
| - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng |
| Họ và tên | : TÔ XUÂN THANH |
| - Số CMND | : 019072000012. Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 29/07/2013 |

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 02/11/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 9/129, An Dương Vương, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội

- Địa chỉ hiện tại : Số nhà 9/129, An Dương Vương, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư luyện kim
- Quá trình Công tác
- + Từ 03/1993 đến 03/1995 : Công nhân tại Công ty Gang thép Thái Nguyên
- + Từ 05/1995 đến 08/2002 : Đốc công tại Công ty Gang thép Thái Nguyên
- + Từ 09/2002 đến 06/2007 : Trưởng phòng kỹ thuật tại Công ty Gang thép Thái Nguyên
- + Từ 07/2007 đến 12/2007 : Phó ban quản lý dự án tại Tập đoàn Hòa Phát
- + Từ 01/2008 đến 09/2010 : Phó Giám đốc tại Công ty cổ phần Gang thép Hà Tĩnh
- + Từ 10/2010 đến 05/2013 : Phó Giám đốc tại Công ty cổ phần thép Hòa Phát
- + Từ 06/2013 đến 03/2015 : Phó phòng Luyện kim tại Tổng Công ty Khoáng sản - TKV
- + Từ 04/2015 đến nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 0cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

- Họ và tên : ĐỖ NGỌC HẢI**
- Số CMND : 001001079003875 do Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 25/11/2014

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 17/07/1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 35 Ngõ 323 đường Xuân Đình, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại : 35 Ngõ 323 đường Xuân Đình, phường

| | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ chuyên môn - Quá trình Công tác + Từ 2003 đến 09/2006 + Từ 10/2006 đến 06/2008 + Từ 07/2008 đến 08/2010 + Từ 09/2010 đến 09/2015 + Từ 10/2015 đến nay + Từ 07/2016 đến nay - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu - Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty - Các khoản nợ đối với Công ty - Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty - Lợi ích liên quan đối với Công ty | <ul style="list-style-type: none"> : Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội : Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ QTKD : Chuyên viên tại Tổng công ty Than : Phó phòng tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VVMI : Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Văn hóa Truyền Thông Xanh : Phó phòng tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Mmor và Công nghiệp : Chuyên viên phòng TCKT tại Tổng công ty Khoáng sản – TKV : Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng : Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng : Chuyên viên phòng tài chính kế toán Tổng công ty Khoáng sản – TKV : 00 cổ phần : Không : Không : Không : Thù lao Thành viên Ban kiểm soát : Không |
| <p>✚ Số lượng cán bộ, nhân viên:</p> | |

Bảng số 6: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2018

| Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỉ trọng (%) |
|--|------------------|--------------|
| Tổng số | 891 | |
| 1. Phân theo trình độ lao động | 891 | |
| - Trình độ Cao đẳng, Đại học và trên đại học | 209 | |
| - Trình độ Trung học chuyên nghiệp | 306 | |
| - Công nhân kỹ thuật | 329 | |
| - Lao động phổ thông | 47 | |
| 2. Phân theo phân công lao động | 891 | |
| - Lao động quản lý | 97 | |
| - Lao động công nghệ | 543 | |
| - Lao động phụ trợ | 156 | |
| - Lao động phục vụ | 95 | |
| 3. Phân theo giới tính | 891 | |
| - Nam | 708 | |
| - Nữ | 183 | |

(Nguồn: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng)

✚ **Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

▪ **Chính sách đào tạo, tuyển dụng:**

- Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho Công ty, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng người tài nhằm chọn được những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh.

- **Tuyển dụng:**

Với hệ thống quy chế tuyển dụng được ban hành đã tạo ra khung cơ bản nhằm góp phần tuyển chọn những người thực sự có tài góp sức xây dựng doanh nghiệp.

Năm 2018, để đáp ứng nhu cầu sản xuất, ổn định nguồn lực lao động, Công ty đã tổ chức tuyển dụng mới 42 lao động chủ yếu bổ sung cho số lao động thiếu hụt tự nhiên và một số lao động tuyển dụng cho dây chuyền Tuyển khoáng mới đi vào hoạt động. Công tác tuyển dụng lao động được thực hiện trình tự đúng theo quy chế của Công ty.

- **Chính sách đào tạo:**

Trong năm đã tổ chức tập huấn và đào tạo các lớp về chuyên môn nghiệp vụ với số lượng 60 người; Tổ chức thi kèm cặp nâng bậc CNKT cho 150 người; tổ chức đào tạo lớp sơ cấp nghề cho lao động vận hành máy xúc lật cho 11 lao động; Tổ chức đào tạo 5S cho 150 người và thực hiện đào tạo chuyên sâu công nghệ Thiêu kết, luyện gang, luyện thép với số lượng 30 người và đào tạo các công việc khác...

Trong năm Công ty đã trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định. Việc thực hiện bồi dưỡng độc hại được đảm bảo, tổ chức thực hiện bữa cơm công nghiệp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra Công ty đã xây dựng các nhà vệ sinh gần tại các vị trí sản xuất, hoàn thiện nhà để xe cho người lao động, lắp đặt các thiết bị làm mát, lọc bụi và che chắn cách ly môi trường làm việc độc hại...

▪ **Chính sách lương thưởng, trợ cấp:**

- Lương của người lao động được Công ty trả theo quy chế quản lý lao động – tiền lương của Công ty.

- Tiền lương bình quân năm 2018 là: 7.053.000 đồng/người/tháng.

- Tiền ăn giữa ca: Tính tối đa không quá 680.000 đ/người/tháng, mức bình quân không quá 26.000 đ/người/ngày công lao động.

Hàng năm Công ty thực hiện quan trắc môi trường lao động và các văn bản liên hướng dẫn hiện hành để thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại. Công ty thực hiện mức bồi dưỡng độc hại bằng 100 % mức tối đa quy định. Ngoài ra, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Công ty còn nhận được phụ cấp liên quan.

Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, KPCĐ: Tính theo quy định của Nhà nước, trong đó: BHXH tính bằng 17%, BHYT 3%, bảo hiểm thất nghiệp 1%, BHTNLĐ – BNN 0.5% tiền lương, kinh phí công đoàn tính bằng 2% theo mức lương trong hợp đồng lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Dự án Khu liên hợp Gang thép:

Hiện tại, Công ty đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ và thủ tục liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành (Trong Quý II/2019 sẽ hoàn thành).

- Dự án khai thác mỏ sắt Nà Rua (giai đoạn 1):

Dự án mỏ sắt Nà Rua được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác số 1271/GP-BTNMT ngày 30/6/2011 tại địa bàn phường Tân Giang, với trữ lượng ước hơn 16.700 tấn quặng sắt, công suất đạt 350.000 tấn tinh quặng sắt/năm. Trong thời gian thi công, Công ty đã tích cực triển khai Dự án Khai tuyển mỏ sắt Nà Rua, đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở mỏ như: Thi công khu xưởng tuyển, đập ngăn môi trường, hệ thống cấp nước, điện và các hạng mục phụ trợ phục vụ công tác khai tuyển quặng sắt tại Khu Nam mỏ sắt Nà Rua (diện tích khai thác là 17,5 ha), nhằm cung cấp nguồn nguyên liệu cho Nhà máy.

Hiện nay, Công ty đã hoàn thiện việc sắp xếp hồ sơ, hoàn thiện các thủ tục đầu tư để phục vụ công tác kiểm toán, quyết toán dự án hoàn thành (trong tháng quý II/2019 sẽ hoàn thành).

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện xong hồ sơ thủ tục theo quy định về công tác giải phóng mặt bằng bãi thải số 01 (diện tích 4,6ha); bãi thải số 03 (diện tích 9,5ha); hồ sơ mời quan tâm hợp tác đầu tư khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rua.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Bảng số 7: Tình hình tài chính của Công ty năm 2017 - 2018

| Chỉ tiêu | Năm 2017 (VNĐ) | Năm 2018 (VNĐ) | Tăng giảm năm 2018 so với năm 2017 (%) |
|--|-------------------|-------------------|---|
| Tổng giá trị tài sản | 2.295.016.200.138 | 2.553.263.236.435 | 111,25 |
| Doanh thu thuần | 2.183.608.948.721 | 1.803.432.879.761 | 82,59 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 4.221.149.436 | 19.820.301.799 | 1 |
| Lợi nhuận khác | (1.920.799.569) | (995.221.783) | 1 |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.300.349.867 | 18.825.080.016 | 1 |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.300.349.867 | 18.825.080.016 | 1 |

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2017, năm 2018 của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 8: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2017 | Năm 2018 |
|--|-------------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn: (= TSLĐ/Nợ ngắn hạn) | Lần | 0,54 | |
| Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn | Lần | 0,02 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 0,94 | |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 15,61 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho BQ | Lần | 4,51 | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản <u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản | Lần | 0,95 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 0,11 | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 1,66 | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 0,10 | |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 0,19 | |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 của CTCP Gang thép Cao Bằng)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- ✦ Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 43.006.366 cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 43.006.366 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện: 00 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 9: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2018

| TT | Loại cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|----|--------------------|---------------------|---------------------|--------------------------------------|
| 1 | Cổ đông trong nước | 250 | 43.006.366 | 100% |

| | | | | |
|-----|--------------------|------------|-------------------|------------|
| 1.1 | Tổ chức | 04 | 28.005.634 | 88,37% |
| 1.2 | Cá nhân | 246 | 5.000.732 | 11,63% |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 250 | 43.006.366 | 100 |

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng)

Bảng số 10: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2018

| TT | Tên cổ đông | Số ĐKSH | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|------------------|---|---|-------------------------|-----------------------------------|
| 1 | Tổng Công ty Khoáng sản – TKV | Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100103087 do Sở KH&ĐT TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2010 thay đổi lần thứ 05 ngày 06/10/2015 | 22.595.420 | 52,54% |
| 2 | Công ty cổ phần Xây lắp điện I | Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100100745 do Sở KH&ĐT TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/07/2005, thay đổi lần thứ 15 ngày 13/10/2016 | 10.788.226 | 25,09% |
| 3 | Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang | Giấy chứng nhận ĐKDN số 1003000027 do Sở KH&ĐT tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 28/02/2006 thay đổi lần thứ 7 ngày 03/06/2016 | 4.166.988 | 9,69% |
| Tổng cộng | | | 37.550.634 | 87,31% |

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng)

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Không có.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Không.

e) **Các chứng khoán khác:**

Không.

6. **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

6.1 **Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất của Công ty: Quặng sắt, than cốc, than cám và một số các nguyên phụ liệu phục vụ cho quá trình tuyển luyện, tinh chế quặng.

Công ty có mỏ quặng sắt Nà Rạ, việc khai thác quặng tại mỏ cung cấp đủ nguồn nguyên liệu cho nhà máy.

Các loại nguyên vật liệu khác phục vụ cho quá trình hoạt động, sản xuất, Công ty tổ chức chào hàng cạnh tranh các tổ chức, đơn vị cung ứng trong nước. Việc chào giá cạnh tranh giúp cho Công ty lựa chọn được những Công ty, đối tác cung ứng đáp ứng đủ điều kiện về năng lực, chất lượng và số lượng hàng hóa được đảm bảo.

Các loại nguyên nhiên, vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty được cung cấp bởi các công ty sản xuất và cung cấp có uy tín, chất lượng trên thị trường nên tạo điều kiện thuận lợi trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp với mức giá hợp lý và nguồn cung ổn định, đây là các đơn vị sản xuất, cung cấp lớn trong cả nước luôn đáp ứng tốt nhu cầu về số lượng, chất lượng và giá cả.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

Hầu hết các Phân xưởng tại Khu Liên hợp đều sử dụng điện năng thấp trong khoảng định mức. Riêng Phân xưởng Tuyển Khoáng do còn tồn tại nhiều vấn đề về công nghệ nên tiêu hao lớn so với thiết kế.

6.3 Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn cung cấp nước: Sông Bằng, lượng nước sử dụng cho toàn Nhà máy năm 2018 là 901.730 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Tuân thủ các quy định của luật pháp Việt Nam về môi trường (không có vi phạm và không có khiếu nại kiên quan đến môi trường)

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Lao động có mặt tại ngày 31/12/2018 là: 891 người.
- Tổng số lao động thực hiện bình quân năm 2018: 891 người.
- Tiền lương bình quân: 7.053.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công tác tuyên truyền huấn luyện ATVSLĐ: Phân nhóm, tổ chức huấn luyện định kỳ và huấn luyện lần đầu cho người lao động theo quy định của Nghị Định 44/2016/ ND-CP; Tổ chức và tham gia hội thi ATVSV giỏi cấp Công ty và Tổng Công ty; Khen thưởng động viên kịp thời cho các cá nhân, tập thể có thành tích, nhiệt tình trong các phong trào thi đua đảm bảo ATVSLĐ-PCCN; Trang bị phương tiện truyền thông tại nhà ăn ca trình chiếu thông tin và hình ảnh về công tác an toàn giúp người lao động nắm được các nguy cơ mất an toàn từ có biện pháp phòng trừ và đó áp dụng tại nơi làm việc tránh được các tai nạn xảy

ra, lồng ghép với việc truyền tải các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện công tác an toàn của Công ty và trong toàn Tổng Công ty, Tập đoàn.

- Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động:

Khám sức khỏe định kỳ cho 856/891 người lao động. Phân loại sức khỏe, lập danh sách những bệnh cần theo dõi, sức khỏe loại IV, loại V để sắp xếp công việc phù hợp.

Tổ chức đo kiểm tra môi trường lao động từ kết quả đo các vị trí làm căn cứ để cấp bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; Đảm bảo sức khỏe, Nâng cao chất lượng bữa ăn, phân tích, xét nghiệm chất lượng nguồn nước sinh hoạt, lựa chọn thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Bổ sung tủ thuốc sơ cấp cứu; Đóng bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Công ty đã tổ chức đào tạo nâng cao trình độ về lý thuyết và tay nghề cho người lao động trong toàn Công ty. Tổ chức đào tạo cho các vị trí chủ chốt tại phân xưởng Luyện thép, phân xưởng Luyện gang, phân xưởng Thiêu kết, thường xuyên theo học các chuyên gia Trung Quốc để nhanh chóng tiếp cận kỹ thuật vận hành công nghệ và xử lý được các vấn đề sự cố công nghệ xảy ra. Công ty phối hợp với Chuyên gia Trung Quốc đã tổ chức sát hạch lý thuyết và tay nghề cho số công nhân lao động trên, kết quả 100% đạt đều đạt yêu cầu đặt ra. Hiện nay các vị trí đã tự vận hành dưới sự giám sát của Chuyên gia Trung Quốc.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2018 Đoàn thanh niên Công ty đã tổ chức và tham gia các hoạt động thiết thực chung tay xây dựng nông thôn mới, giúp đỡ bà con nhân dân trên địa bàn tỉnh Cao Bằng các công việc thiết thực như sau:

+ Ủng hộ 3 tấn xi măng và huy động 20 nhân lực tham gia đổ Sân bê tông nhà văn hóa thôn tại xóm Khuổi Sáo, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng;

+ Tham gia ngày công lao động xã hội chủ nghĩa đổ bê tông đường làng tại xóm Vò Đuôn xã Vĩnh Quang, xóm Nà Sa – Nà Gường, xã Bế Triều huyện Hòa An, xóm Nà Dìa, xã Chu Trinh, kết quả đã đóng góp trên 85 ngày công lao động xã hội chủ nghĩa kết quả đổ được 240m đường bê tông.

Trong năm 2018 Đoàn thanh niên Công ty đã thực hiện nhiều chương trình An sinh xã hội tiêu biểu như:

Đoàn thanh niên phối hợp với Chính quyền và Công đoàn tặng 100 suất quà (mỗi suất quà gồm 10 cuốn vở, 01 cặp sách, 01 bút viết và mực) cho các e học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại Trường Tiểu học - Trung học cơ sở xã Thành Công, huyện Nguyên Bình - Tổng giá trị gần 30 tr đồng.

Trong năm 2018 với nòng cốt là Đoàn thanh niên Công ty đã thành lập nhóm thiện nguyện Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (Viết tắt: CVG) đội đã thực hiện được nhiều chương trình thiện nguyện giúp đỡ bà con đồng bào có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh tiêu biểu như:

+ Tổ chức Chương trình “Cốc Pàng – Đông yêu thương” tại xã Cốc Pàng (Bảo Lạc), tặng các điểm trường: Khuổi Khau, Nà Mía, Nà Rại và điểm chính mầm non Cốc Pàng 25 thùng sữa, 2 bộ cổng trường bằng thép, 4 bộ đồ chơi xích đu, 1 bộ tường rào B40, đồ bê tông sân điểm trường Nà Mía, sơn lại đồ chơi ngoài chơi cho các bé, tặng 64 bộ chăn mùa đông cho các cháu nội trú và bà con có hoàn cảnh khó khăn, 60 suất quà và hơn 400 bộ quần áo cũ mùa đông cho bà con xóm Khuổi Khau, tổng giá trị cả chương trình hơn 40 triệu đồng.

+ Chung tay vì người nghèo, tổ chức chương trình "Hơi ấm vùng cao" được tổ chức tại xóm Mỹ Lũng, xã Hồng An và xóm Hồ Lù, xã Khánh Xuân, huyện Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng, ngày 17&18/11/2018 qua đó tặng 31 chăn ấm, 87 đôi ủng, 440 quyển vở mới, 44 hộp bút, 44 hộp mực, 3 thùng sữa và nhiều quần áo ấm cho 77 cháu học sinh tiểu học và mầm non.

+ Tổ chức tặng quần áo cũ ấm do nhóm thiện nguyện quyên góp được tặng bà con nhân dân tại xã Ca Thành, huyện Nguyên Bình qua đó tặng gần 1000 bộ quần áo các loại.

Trong năm 2018 Đoàn thanh niên đã chủ trì liên hệ Hội chữ thập đỏ tỉnh Cao Bằng để Thành lập thành công CLB Hiến máu dự bị trực thuộc Hội chữ thập đỏ tỉnh với số thành viên ban đầu 40 thành viên. Tổ chức thành công chương trình Hiến máu nhân đạo tại khu LHGT với số lượng đoàn viên tham gia gần 200 người và thu được 64 đơn vị máu.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh:

Nhiệm vụ năm 2018 của Công ty là tiếp tục khai thác khu Nam và đẩy nhanh tiến độ đền bù giải phóng mặt bằng khu Bắc mỏ sắt Nà Rùa để tập trung khai thác quặng sắt đảm bảo cung cấp đủ quặng sắt cho sản xuất của Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng, đồng thời ổn định dây chuyền luyện gang thép đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Giá phôi thép 9 tháng đầu năm không ổn định, nhưng đến cuối năm thì đã có xu hướng tăng, giá than cốc cũng vậy và đang có xu hướng tăng mạnh. Xác định rõ nhiệm vụ năm 2018 nên ngay từ đầu năm Ban điều hành Công ty đã xây dựng kế hoạch cụ thể, tập trung đôn đốc, chỉ đạo quyết liệt và triển khai thực hiện các giải pháp sản xuất. Cùng với sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Công ty Khoáng sản - TKV, của Hội đồng quản trị, sự ủng hộ của các cổ đông và sự đoàn kết nỗ lực của Ban điều hành, tập thể CBCNV Công ty. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng trong năm 2018, Công ty đã đạt được một số kết quả đáng kể.

Bảng số 11: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2018 điều chỉnh | Thực hiện năm 2018 | Tỷ lệ % |
|-----------|----------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| A | B | C | 2 | 3 | 4=3/2 |
| I | Sản lượng | Tấn | | | |
| 1 | Bóc đất, đá | M3 | 900.000 | 746.755 | 82,97 |
| 2 | Quặng sắt NK | Tấn | 320.000 | 277.816 | 86,82 |
| 3 | Phôi thép | Tấn | | | |
| - | Sản xuất | Tấn | 190.000 | 185.538 | 97,65 |
| - | Tiêu thụ | Tấn | 190.000 | 146.484 | 77,1 |
| II | Giá trị | Tr.đ | | | |
| 1 | Doanh thu | Tr.đ | 2.207.000 | 1.803.432 | 81,71 |
| 2 | Lợi nhuận | Tr.đ | 15.000 | 18.825 | 125,5 |
| 3 | Lao động, tiền lương | | | | |
| - | Quỹ tiền lương | Người | 73.708 | 74.908 | 101,6 |
| - | Lao động sử dụng bq | Tr.đ/ng/thg | 885 | 885 | 100 |
| - | Tiền lương bình quân | Người | 6,94 | 7,05 | 101,6 |
| 4 | Nộp ngân sách | Tr.đ | 89.355 | 38.581 | 64,91 |

1.2 Một số nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2018:

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Công ty đã gặp những khó khăn như sau:

- Hàm lượng quặng sắt biến động mạnh (giảm nhiều so với thiết kế) dẫn đến chỉ tiêu sản lượng, thực thu và chất lượng tinh quặng cũng biến động theo, chất lượng quặng có hàm lượng SiO₂ cao ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ tiêu tiêu hao trong sản xuất Khu liên hợp.
- Công tác đền bù GPMB gặp nhiều khó khăn, chưa huy động được nguồn vốn để thực hiện xây dựng khu tái định cư của mỏ sắt Nà Rua.
- Thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến việc thi công các hạng mục đầu tư xây dựng cũng như công tác khai thác quặng sắt phục vụ cho sản xuất của KLH.
- Dây chuyền sản xuất gang thép hoạt động chưa thật sự ổn định, vật tư, thiết bị dự phòng còn hạn chế nên khi có sự cố xảy ra chưa có thay thế ngay nên có những thời điểm còn phải chờ thiết bị thay thế dẫn đến thời gian dừng lò kéo dài.
- Các chủng loại vật tư thay thế không phổ biến trên thị trường Cao Bằng (do nhiều loại vật tư, thiết bị dự phòng phục vụ cho công tác sửa chữa phải nhập từ Trung Quốc) nên ảnh hưởng đến tiến độ sửa chữa thiết bị.
- Trình độ vận hành của người lao động tại một số vị trí chưa đồng đều, chưa thật sự có ý thức trách nhiệm trong công việc. công tác quản lý và điều hành của một số cán bộ quản lý chưa thật sự sâu sát, quyết liệt.

a) *Do giá bán bình quân thực hiện thực tế giảm so với kế hoạch:*

| TT | Chỉ tiêu | Sản lượng tiêu thụ năm 2018 (tấn) | Giá bán BQ KH 2018 (đồng) | Giá bán BQ TH năm 2018 (đồng) | Chênh lệch (tr.đồng) |
|----|-----------|-----------------------------------|---------------------------|-------------------------------|----------------------|
| A | B | 1 | 2 | 3 | $4 = (3-2)*1$ |
| 1 | Phôi thép | 146.484 | 11.589.474 | 12.040.489 | 66.067 |

b) *Các chi phí lãi và khấu hao tăng so với kế hoạch:*

| TT | Chỉ tiêu | DVT | Kế hoạch 2018 | Thực hiện năm 2018 | Tăng (+); giảm (-) |
|----|------------------|------|---------------|--------------------|--------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | $3=2-1/12*12$ |
| | Tổng cộng | | | | 9.841 |
| 1 | Lãi vay | Tr.đ | 120.282 | 130.096 | 9.814 |
| 2 | Khấu hao TSCĐ | Tr.đ | 120.556 | 120.583 | 27 |

c) *Chi phí tăng/giảm do giá bình quân nguyên liệu đầu vào:*

| TT | Chỉ tiêu | DVT | Sản lượng tiêu hao năm 2018 | Đơn giá thực hiện năm 2018 | Đơn giá Kế hoạch năm 2018 | Tăng (+); giảm (-) (tr.đồng) |
|----------|------------------------|-----|-----------------------------|----------------------------|---------------------------|------------------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | $4=1*(2-3)$ |
| | Tổng cộng | | | | | 3.975 |
| 1 | Thiêu kết | | | | | |
| - | Đá vôi (0-3mm) | Tấn | 18.322 | 164.531 | 172.044 | -138 |
| - | Vôi sống (0-5mm) | Tấn | 22.750 | 1.314.979 | 1.380.000 | -1.479 |
| - | Than cám | Tấn | 15.224 | 3.046.418 | 2.850.000 | 2.990 |
| - | Than cốc vụn | Tấn | 9.022 | 7.066.594 | 9.000.000 | -17.443 |
| 2 | Luyện gang | | | | | |
| - | Than cốc | Tấn | 92.715 | 9.112.877 | 9.000.000 | 10.465 |
| - | Than cám | Tấn | 22.743 | 3.046.418 | 2.850.000 | 4.467 |
| 3 | Luyện thép | | | | | |
| - | Ferro Silic (45-75 mm) | Tấn | 719,55 | 33.286.488 | 24.900.000 | 6.034 |
| - | Silico Mn(20 - 50 mm) | Tấn | 867,86 | 24.705.080 | 21.443.502 | 2.831 |
| - | Vôi nung 10-50 mm | Tấn | 8.533,84 | 1.317.428 | 1.380.000 | -534 |
| - | Chất tăng Cacbon | Tấn | 374,21 | 11.229.664 | 19.833.333 | -3.220 |

d) *Chi phí tăng/giảm do các chỉ tiêu tiêu hao so với kế hoạch:*

| TT | Chỉ tiêu | DVT | DM KH 2018 | DM DKTH năm 2018 | Đơn giá thực hiện năm 2018 (đồng) | Tăng (+); giảm (-) (Tr.đồng) |
|----|----------|-----|------------|------------------|-----------------------------------|------------------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 |

| Tổng cộng | | | | | | 89.869 |
|------------------|-----------------------------|----------|--------|----------------|------------|---------------|
| 1 | Thiêu kết | | | 294.309 | | |
| - | Đá vôi (0-3mm) | Kg/TQtk | 100,00 | 62,26 | 164.531 | (1.828) |
| - | Than cám | Kg/TQtk | 42,60 | 51,73 | 3.046.418 | 8.187 |
| - | Than cốc vụn | Kg/TQtk | 17,40 | 30,65 | 7.066.594 | 27.555 |
| - | Vôi sống (0-5mm) | Kg/TQtk | 61,43 | 77,30 | 1.314.979 | 6.140 |
| 2 | Luyện gang | | | 193.061 | | - |
| - | Than cốc | Kg/T.GL | 460,00 | 480,2 | 9.112.877 | 54.268 |
| - | Than cám | Kg/T.GL | 115,00 | 117,8 | 3.046.418 | 2.513 |
| - | Đá vôi (10-40mm) | Kg/T.GL | 3,0 | 0,19 | 203.003 | (168) |
| 3 | Luyện thép | | | 185.538 | | - |
| - | Silico mangan (20 - 50 mm) | Kg/Tphôi | 6,5 | 5,87 | 24.705.080 | (4.581) |
| - | Vôi nung 10-50 mm | Kg/Tphôi | 55 | 46,00 | 1.317.428 | (3.491) |
| - | Chất tăng Cacbon | Kg/Tphôi | 2,26 | 2,65 | 11.229.664 | 1.274 |

e) Các nguyên nhân chính làm tăng tiêu hao nguyên nhiên vật liệu:

Công đoạn thiêu kết:

Trong kỳ tổng lượng tiêu hao các loại nguyên liệu (bao gồm quặng tinh, quặng cám, quặng cục phân dưới sàng lò cao) đạt 875,45kg/tấn quặng thiêu kết, bằng 91,77% so với kế hoạch. Cơ cấu phối quặng còn phụ thuộc vào sản lượng quặng tinh tự sản xuất và mua ngoài, tỷ lệ quặng tinh thấp, chưa tăng được phẩm vị quặng thiêu kết.

Do tỷ lệ quặng tinh thấp, tỷ lệ quặng limonit mua ngoài chiếm 43,9% tổng lượng các loại quặng cám. Mặt khác để nâng cao độ kiềm quặng thiêu kết, giảm tỷ lệ quặng phân, nên tỷ lệ phối liệu các chất trợ dung cao hơn kế hoạch đồng thời sau khi lò vôi vào hoạt động đã tăng cường tỷ lệ phối liệu vôi nung để nâng cao hàm lượng quặng thiêu kết (vôi nung vượt 18,92% trong khi đá vôi chỉ tiêu hao bằng 51,88% KHN).

Tổng lượng quặng đầu vào chất lượng thấp hơn kế hoạch (58,66%/62,36%), mặt khác trong kế hoạch đề ra thì chỉ tính định mức cho sử dụng quặng manhetit của Mỏ Nà Rạ, tuy nhiên trong thực hiện thực tế nguồn quặng Manhetit không đủ cung cấp nên phải sử dụng tỷ lệ quặng limonit cao (30,44% tổng các loại quặng đầu vào thiêu kết) với độ ngậm nước 10,5% dẫn đến cần tăng lượng sử dụng nhiên liệu nên tiêu hao than vượt 37,3% so với kế hoạch.

Công đoạn Luyện gang:

Do trong năm ngoài việc dừng lò trung đại tu, sửa chữa thường xuyên thiết bị theo kế hoạch thì có xảy ra sự cố quạt gió chính kéo dài, mặt khác do chất lượng nguyên nhiên liệu đầu vào còn thấp nên chưa đạt được sản lượng theo yêu cầu (phẩm vị tổng quặng đầu vào lò cao chỉ đạt 53,97%/54,8% kế hoạch).

Do công ty đã thay đổi kết cấu liệu, nâng cao tỷ lệ phối liệu quặng chín nên tỷ lệ tiêu hao quặng thiêu kết vượt 6,6% kế hoạch trong khi tiêu hao quặng cục chỉ bằng 76,78% so với kế hoạch.

Trong năm tỷ lệ tiêu hao than cốc cao, vượt 4,4% so với kế hoạch (trung đương khối lượng than cốc là = $460 * 4,4% * 193.061 = 3908$ tấn). Các nguyên nhân chủ yếu như sau:

**Phẩm vị của nguyên liệu chứa sắt đi vào lò cao:*

Nguyên liệu chứa sắt đưa vào lò cao chủ yếu là từ Quặng thiêu kết (Qtk) và quặng cục (Qs) (cỡ hạt 8 – 38 mm).

Do quặng tinh ít, quặng limonit mua ngoài chất lượng chưa cao. Nguyên liệu đầu vào cho sản xuất tại khâu thiêu kết thấp nên hàm lượng sắt trong quặng thiêu kết thấp hơn yêu cầu kế hoạch, năm 2018 tổng quặng đầu vào lò cao chỉ đạt bình quân khoảng 53,97 %Fe.

Trong công nghệ luyện kim: hàm lượng sắt cứ giảm 1% thì tiêu hao than cốc tăng 2%, do vậy tỷ lệ than cốc tăng do phẩm vị sắt cụ thể:

- Tiêu hao than cốc tăng:

$$(54,8 - 53,97) * 2\% * 0,460 * 193.061 = 1.474 \text{ tấn}$$

**Độ tro, quy cách (cỡ hạt) than cốc*

Độ tro: Trung bình độ tro trong than cốc nhập trong năm 2018 là: 13,26 % (độ tro trung bình cao hơn so với yêu cầu thiết kế công nghệ là 1,26%) mà cứ mỗi 1% độ tro tăng lên sẽ làm ảnh hưởng đến tiêu hao K/G tăng 1,7~2,3%.

+ Than cốc tăng do độ tro tăng khoảng:

$$1,26 * 2\% * 0,460 * 193.061 = 2.237 \text{ tấn.}$$

**Các yếu tố khác:*

- Trong năm có thời gian dừng lò để sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, trong quá trình dừng lò, giảm gió để sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, do sự cố... thì vẫn cần dùng một lượng than cốc để ủ lò ảnh hưởng đến tỷ lệ tiêu hao than cốc trong lò cao.

- Thời tiết có mưa nhiều mà nhà che nguyên nhiên liệu mới tiến hành xây lắp chưa nhiều, thoát nước cos 250m không tốt dẫn đến độ ẩm than cốc, các loại quặng cao cũng ảnh hưởng đến chỉ tiêu tiêu hao than cốc.

Công đoạn Luyện thép:

Do quý IV tăng cường sử dụng liệu nguội để tăng sản lượng, mặt khác có sử dụng các loại như mê thép, gang mê, gang máng, sắt xốp... hàm lượng thấp hơn kế hoạch liệu nguội (91,07%Fe/92%Fe kế hoạch) nên chỉ tiêu tiêu hao các loại liệu nguội vượt 22,92% trong khi chỉ tiêu tiêu hao gang lỏng chỉ bằng 98,68% so với kế hoạch.

Công ty đã sử dụng giải pháp sử dụng FeSi 45 với giá thành thấp hơn, ngoài ra tăng cường sử dụng FeSi để giảm lượng sử dụng SiCa để nâng cao hiệu quả kinh tế. Mặt khác khi sử dụng quặng limonit sản xuất thì hàm lượng Mn trong gang lỏng cao nên việc bổ sung các hợp kim tiêu hao thấp dẫn đến tiêu hao các loại FeSi45 vượt 54,90% kế hoạch và có sử dụng 231 tấn FeSi75 (trung bình tiêu hao 1,25kg/tấn phôi) trong khi các loại hợp kim khác thấp hơn kế hoạch.

Trong kế hoạch năm 2018 cơ cấu chính sản phẩm là CT5πC và SD295A nên lượng cacbon cần bổ sung cao hơn so với cơ cấu CT5πC và Q235A như kế hoạch dẫn đến chỉ tiêu tiêu hao chất tăng C vượt 5,82% so với kế hoạch. Cụ thể theo cơ sở xây dựng định mức 2018 là mức CT5πC tiêu hao 3,5kg/tấn phôi và mức Q235A tiêu hao 1,7kg/tấn phôi. Tuy nhiên thực tế ít sản xuất Q235A mà chủ yếu sản xuất CT5πC và SD295A với định mức tiêu hao chất tăng C cho mức thép SD295A là 3kg/tấn phôi.

Ngoài ra trong kỳ Công ty còn sử dụng 375,13 tấn than antraxit làm chất tăng các bon (tương đương với tiêu hao 2,02kg/tấn phôi). Tuy nhiên để đảm bảo chất lượng sản phẩm thì than antraxit chỉ được sử dụng trong sản xuất mác thép SD295.

f) Chi phí sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên giảm so với kế hoạch:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2018 | Thực hiện năm 2018 | Tăng (+); Giảm (-) |
|----|-----------------------|------|---------------|--------------------|--------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=(2)-(1) |
| | Tổng cộng | | | | -1.625 |
| 1 | Sửa chữa lớn | Tr.đ | 24.067 | 15.663 | -8.404 |
| 2 | Sửa chữa thường xuyên | Tr.đ | 26.294 | 33.073 | 6.779 |

1.3 Giá thành từng công đoạn sản xuất năm 2018:

a. Công đoạn khai thác: Giá thành sản xuất quặng nguyên hợp cách (>58%Fe) là 361.366 đồng/tấn, bằng 71,34 %KH (giá thành KH 506.522 đồng/tấn).

b. Công đoạn tuyển khoáng: Giá thành sản xuất tinh quặng 1.464.846 đồng/tấn, bằng 112,89 %KH (giá thành KH 1.297.561 đồng/tấn).

c. Công đoạn thiêu kết: Giá thành sản xuất quặng thiêu kết là 1.780.635 đồng/tấn, bằng 101,91 %KH (giá thành KH 1.747.257 đồng/t.qlt). Giá thành quặng thiêu kết cao là do sử dụng chủ yếu quặng limonit mua và tinh quặng sản xuất có giá cao hơn so với kế hoạch làm tăng giá thành.

d. Công đoạn luyện gang: Giá thành sản xuất nước gang lỏng là 8.492.732 đồng/tấn, bằng 107,40 %KH (giá thành KH 7.907.288 đồng/t.gl). Giá thành quặng thiêu kết tăng, tiêu hao cốc/gang tăng nên dẫn đến giá thành gang lỏng tăng.

e. Công đoạn luyện thép: Giá thành sản xuất phôi thép là 11.029.458 đồng/tấn, bằng 104,60% KH (giá thành KH 10.544.172 đồng/t.phôi).

1.4 Công tác thăm dò, khai thác, tuyển khoáng:

a) Công tác thăm dò khảo sát địa chất:

Trong quá trình thực tế khai thác trong những năm qua, nhận thấy thân quặng có biến thiên về đường phương, chiều dày, hàm lượng thân quặng cũng như mực nước ngầm của moong khai thác. Do đó, để đảm bảo hiệu quả sản xuất trong việc huy động quặng, công nghệ khấu quặng cũng như phương hướng khai trường sát với thực tế Công ty đã phối hợp cùng đơn vị tư vấn thực hiện phương án khoan phục vụ khai thác và đánh giá mực nước ngầm khu Nam mỏ sắt Nà Rạ Và đánh giá được hướng phát triển của thân quặng để đưa ra được kế hoạch khai thác hợp lý giúp tiết giảm chi phí trong quá trình khai thác.

b) Công tác khai thác mỏ:

Công ty tập trung khai thác tại khu Nam mỏ sắt Nà Rạ. Trong quá trình thực hiện tuân thủ đúng theo phương án và kế hoạch đề ra, đảm bảo an toàn cho khai trường và bờ mỏ. Đồng thời có các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí, tăng sản lượng các loại quặng có nhu cầu cao như giảm cung độ và chiều cao năng tải, sắp xếp lại khai trường và bãi thải nhằm điều phối đất đá thải phù hợp với thực tế khai trường. Trong năm khai thác chọn lọc quặng

sắt có hàm lượng > 58%Fe đưa về sản ga với khối lượng quặng giàu tăng từ 150.000 tấn lên 200.000 tấn đạt 134%KHN với hàm lượng bình quân đạt trên 60%Fe.

** Tại Khu Bắc mỏ sắt Nà Rua:*

Công ty đã phối hợp cùng đơn vị tư vấn thực hiện xong Phương án hợp tác đầu tư khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rua công suất 350.000 tấn/năm và phát hành Hồ sơ mời hợp tác đầu tư khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rua công suất 350.000 tấn/năm, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay chưa có nhà đầu tư nào quan tâm hợp tác đầu tư.

c) Công tác tuyển khoáng:

Đã triển khai các giải pháp nâng cao thực thu và thu hoạch và thay đổi cơ cấu sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thiếu hụt quặng của KLH như lắp thêm tuyển từ khô và hệ thống nghiền búa văng, sử dụng hệ thống tuyển rửa trước khi vào nghiền tuyển trong mùa mưa, ưu tiên đập sàng và tập trung nghiền quặng hợp cách (0-8)mm, (8-38) để giảm giá thành sản xuất, đáp ứng một phần nguyên liệu cho KLH GT Cao Bằng. Đảm bảo khu rửa vận hành tốt khi bước vào mùa mưa. Song song với đó Công ty đã phối hợp với Tổng công ty lập phương án nhằm thu hồi tinh quặng không từ trong quang trung gian và đuôi thải có hàm lượng thấp đang tồn tại các kho lưu trữ. Dự kiến đầu năm 2019 sẽ triển khai tại thực địa.

1.5 Công tác luyện kim:

↳ Công đoạn thiêu kết:

Trong công đoạn thiêu kết những tháng đầu năm do không có quặng có hàm lượng cao nên hàm lượng quặng thiêu kết không cao, 9 tháng đầu năm chỉ đạt bình quân 52,54%Fe. Quý IV Công ty đã tăng cường sử dụng nguyên liệu mua ngoài quặng tinh, quặng limonit, quặng cám có hàm lượng cao sau sử dụng hàm lượng quặng đã đạt được trên 54%. Ngoài ra công ty còn tiến hành sử dụng bùn ventury cho hệ thống trộn 1, tính toán phối liệu các loại bụi để góp phần tăng hiệu quả xử lý bán thành phẩm của dây chuyền, tăng thực thu, giảm gánh nặng về xử lý môi trường. Sử dụng than cốc bột có giá thành và tiêu hao thấp hơn, nhiệt trị cao hơn để thay thế than cám. Đồng thời đã tăng cường và thực hiện kiểm soát và bảo quản chất lượng nguyên nhiên liệu và sản phẩm như: Đổ bê tông sân, làm mái che, xây tường bao xung quanh các nhà chứa than và quặng thiêu kết thành phẩm, quy hoạch lại sân bãi cho phù hợp với tình hình sản xuất.

↳ Công đoạn luyện gang:

Ngay từ đầu năm công ty đã lập kế hoạch và thực hiện dự phòng nguyên nhiên liệu đảm bảo, đồng thời quyết liệt thực hiện việc tăng sử dụng liệu chín để nâng cao sản lượng, ổn định chế độ ra gang và duy trì nhiệt độ gió nóng ở mức cao, tăng cường phun than và oxy giàu nhằm giảm tiêu hao than cốc.

Công đoạn luyện thép:

Đã thực hiện quặng thiêu kết vụn để thay thế quặng cục làm liệu tạo xỉ, xử dụng FeSi45% để thay thế FeSi75% nhằm giảm chi phí đầu vào, thay thế hệ thống cắt khí Hydro bằng cắt khí ga giảm tổn thất kim loại do vết cắt mỏng hơn; tận dụng tối đa nhiệt độ nước gang và nhiệt độ lò thổi, thùng chứa nước gang thép lỏng thông qua việc điều phối hợp lý giữa các vị trí trong dây chuyền, đồng thời tăng cường sử dụng liệu nguội các loại nhằm nâng cao sản lượng và hạ giá thành sản phẩm.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Bảng số 11: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018

| TÀI SẢN | Năm 2017 (Đồng) | Năm 2018 (Đồng) | Thay đổi 2018 so với 2017 (%) |
|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 451.869.198.007 | 855.027.117.324 | 189,22 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.523.828.427 | 3.306.416.939 | 216,98 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 3.341.934.086 | 5.273.617.978 | 157,80 |
| III. Hàng tồn kho | 434.222.299.886 | 833.939.195.917 | 192,05 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 12.781.135.608 | 12.507.886.490 | 97,86 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 1.843.147.002.131 | 1.698.236.119.111 | 92,14 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 13.348.000.000 | 15.067.000.000 | 112,88 |
| II. Tài sản cố định | 1.760.253.079.368 | 1.642.860.391.871 | 93,33 |
| 1. TSCĐ hữu hình | 1.760.253.079.368 | 1.642.860.391.871 | 93,33 |
| 2. TSCĐ vô hình | - | - | |
| IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 10.811.196.566 | 10.357.648.248 | 95,80 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 58.734.726.197 | 29.951.078.992 | 50,99 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 58.734.726.197 | 29.951.078.992 | 50,99 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 2.295.016.200.138 | 2.553.263.236.435 | 111,25 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 của Công ty)

b) Tình hình nợ phải trả:

Bảng số 12: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2017 - 2018

| NỢ PHẢI TRẢ | Năm 2017 (Đồng) | Năm 2018 (Đồng) | Thay đổi 2018 so với 2017 (%) |
|--|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 2.156.813.111.929 | 2.396.235.068.210 | 111,10 |
| I. Nợ ngắn hạn | 830.251.004.089 | 1.290.147.481.065 | 155,39 |
| 1. Phải trả cho người bán | 349.672.682.496 | 846.416.503.471 | 242,06 |
| 2. Người mua trả tiền trước | 179.680.150 | 1.520.030.268 | 845,96 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 7.348.470.200 | 1.233.815.412 | 16,79 |

| | | | |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------|
| 4. Phải trả người lao động | 6.589.831.595 | 8.384.053.469 | 127,23 |
| 5. Chi phí phải trả | 16.844.323.605 | 15.465.042.249 | 91,81 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 52.170.359.258 | 10.272.055.769 | 19,69 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 397.445.656.785 | 406.855.980.427 | 102,37 |
| II. Nợ dài hạn | 1.326.562.107.840 | 1.106.087.587.145 | 83,38 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 1.326.562.107.840 | 1.106.087.587.145 | 83,38 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, năm 2018 của Công ty)

- Trong năm 2018, Công ty thu xếp đủ vốn phù hợp với dòng tiền, vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

- Công ty cũng đã làm việc với Ngân hàng BIDV để giảm lãi suất vay trung dài hạn và ngắn hạn.

3. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm:

Nhìn chung công tác quản lý chất lượng sản phẩm trong năm 2018 đã được cải thiện và nâng cao rõ rệt:

- Thường xuyên chủ động kết hợp với bộ phận kỹ thuật mở để khai thác chọn lọc, phân loại chất lượng từng loại quặng đảm bảo đủ điều kiện theo kế hoạch đưa ra về nhà Khu liên hợp phục vụ sản xuất luyện kim;

- Kết hợp cùng các phòng ban, phân xưởng kiểm soát chặt chẽ từ công tác kiểm soát các nguyên, nhiên vật liệu nhập về nhà máy đến công tác quản lý mẫu công nghệ tạo điều kiện thuận lợi cho điều chỉnh công nghệ;

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm Gang đúc, Phôi thép đạt trên 98% (loại 1) đủ điều kiện tiêu thụ trên thị trường.

4. Công tác cung ứng vật tư:

- Công ty luôn tuân thủ theo đúng quy định về mua sắm và quản lý vật tư của Tổng công ty và Tập đoàn. Ban hành đầy đủ các văn bản liên quan đến công tác vật tư như: quy chế quản lý vật tư, quy định quản lý công tác nhập xuất kho vật tư, thành lập hội đồng giá.

- Tổ chức sắp xếp lại vật tư trong kho đảm bảo dễ bảo quản và quản lý theo yêu cầu SXKD.

- Để đảm bảo cân đối nguồn vốn, công ty đã thương thảo với khách hàng giãn tiến độ thanh toán từ 75 - 90 ngày.

5. Công tác Kế hoạch giá thành và tiêu thụ sản phẩm:

5.1 Công tác Kế hoạch:

Xây dựng và ban hành quy chế quản trị chi phí, bộ định mức kinh tế kỹ thuật, thực hiện giao khoán cho từng công đoạn sản xuất, nâng cao ý thức người lao động (sử dụng các loại vật tư đúng mục đích và tránh lãng phí, nâng cao ý thức tiết kiệm vật tư trong sản xuất).

Tăng cường, hoàn thiện công tác nghiệm thu, thống kê hàng ngày đối với tất cả các chỉ tiêu sản xuất, tiêu hao vật tư, nguyên nhiên liệu theo định mức để kiểm tra và điều hành được sâu sát.

Hàng tháng tiến hành đánh giá, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lỗ lãi từng công đoạn để kịp thời điều hành, chỉ đạo.

5.2 Công tác tiêu thụ sản phẩm:

Công tác tiêu thụ sản phẩm trong năm 2018 đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, song bên cạnh đó còn những vấn đề cần phải khắc phục ngay, như: việc sắp xếp phôi thép ngoài bãi chứa phôi còn chưa quy hoạch khoa học làm ảnh hưởng đến chất lượng phôi và tiến độ giao hàng, thiết bị phục vụ cho công tác bán hàng đôi khi còn chưa đáp ứng được.

6. Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất:

Công ty vẫn không ngừng khuyến khích động viên người lao động tăng cường công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, quản lý. Cụ thể trong năm 2018 đã có khoảng 40 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, quản lý góp phần tiết giảm chi phí còn đảm bảo thuận tiện cho công tác quản lý, vận hành và an toàn thiết bị, hạn chế các sự cố dẫn đến phải dừng sản xuất đồng thời tạo ra phong trào thi đua sâu rộng khắp trong toàn công ty.

Trong đó có các giải pháp điển hình như giải pháp tận thu khí than dư thừa lò cao để sản xuất vôi nung nâng cao hiệu quả sản xuất tại Khu liên hợp; Giải pháp lắp thêm máy nghiền trục đứng, máy tuyển từ khô tại xưởng tuyển khoáng nhằm giảm giá thành sản xuất quặng; giải pháp sử dụng bùn ventury trực tiếp vào trộn liệu lần 1 thiêu kết nhằm tận thu tài nguyên và giảm thiểu các vấn đề về môi trường; giải pháp lắp tụ bù cho trạm sản xuất oxy ổn định cung cấp cho toàn nhà máy; Giải pháp dùng khí gas cắt phôi thay cho phương pháp dùng máy sinh khí nhằm giảm chi phí sản xuất tại Luyện thép...

Các sáng kiến cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất dự kiến làm lợi cho Công ty khoảng 5 tỷ đồng.

7. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã tổ chức rà soát và sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của toàn Công ty cho phù hợp với điều kiện sản xuất. Chia tách, hợp nhất và thành lập các phòng ban, phân xưởng theo chức năng nhiệm vụ được phân công. Tuyển dụng đào tạo và sắp xếp, bố trí nhân lực theo cơ cấu và mô hình sản xuất. Bổ nhiệm cán bộ tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, công tác chuyên môn nghiệp vụ.

Xây dựng quy định, quy chế như: Quy chế dân chủ cơ sở, Quy chế đối thoại định kỳ tại nơi làm việc; Quy định giao và phân phối tiền lương năm 2018....

8. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hệ thống quy chế quản lý, đảm bảo mọi hoạt động trong Doanh nghiệp đều được điều chỉnh theo quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế quản lý của Công ty.

Tăng cường công tác quản lý và công tác kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh và đổi mới công tác thi đua; phát động các phong trào; nhận rộng các điển hình tiên tiến; định kỳ bình xét, đánh giá, động viên, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có sáng kiến và thành tích cao trong sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, là chủ động chuẩn bị đủ các điều kiện về vật tư nguyên liệu, thiết bị,... đáp ứng yêu cầu sản xuất.

8.1 Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu năm 2019:

✦ Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

| | | |
|--------------------|---|-------------------------------|
| Doanh thu năm | : | 2.722 tỷ đồng |
| Lợi nhuận | : | 58 tỷ đồng |
| Lao động bình quân | : | 900 người |
| Thu nhập bình quân | : | 7,436 triệu đồng/người/tháng. |
| Chi trả cổ tức | : | 0 % năm. |

8.2 Các biện pháp thực hiện để hoàn thành kế hoạch

- Tuân thủ sự chỉ đạo của cơ quan điều hành Tổng Công ty, tăng cường phối hợp chặt chẽ với các phòng chuyên môn của Tổng công ty. Duy trì kỷ luật, kỷ cương trong việc chỉ đạo điều hành và thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị.

- Xây dựng chi tiết Kế hoạch sản xuất hàng tháng, hàng quý trên cơ sở kế hoạch điều hành Tổng Công ty giao. Định hướng và chỉ đạo quyết liệt các Phòng ban, Phân xưởng bám sát kế hoạch sản xuất để có những giải pháp thực hiện cụ thể. Phối hợp tốt với các đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất chung;

- Thường xuyên thực hiện các cuộc họp điều độ sản xuất hàng tuần, sâu sát thực tế sản xuất hơn nữa để xử lý kịp thời vướng mắc phát sinh.

- Trong công tác điều hành của đội ngũ cấp cao: Sát sao với thực tế; quyết liệt trong điều hành; chủ động trong ứng phó với các nguy cơ tiềm ẩn; định hướng, tiên lượng, dự báo trước những biến động trong công nghệ, thiết bị và thị trường, là đầu tàu gương mẫu trong việc thực hiện ý thức kỷ luật lao động, kỷ luật công nghệ.

- Ổn định công tác tổ chức, kiện toàn củng cố nhân lực có trình độ kinh nghiệm và nhiệt huyết với công việc cho các vị trí chủ chốt, vị trí thiếu. Nâng cao nhận thức của người lao động về quyền nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ được giao nhằm tạo ra môi trường làm việc trong doanh nghiệp minh bạch bình đẳng.

- Trong công tác sản xuất cần tìm tòi học hỏi làm chủ dây chuyền thiết bị, công nghệ, ổn định sản xuất nhằm cải thiện điều kiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn, nâng cao năng xuất chất lượng sản phẩm.

- Trong công tác thực hiện nhiệm vụ, toàn thể CBCNV từ các cấp quản lý đến NLĐ cần chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy chế của Công ty; quy trình vận hành, quy trình an toàn, quy trình bảo dưỡng sửa chữa và vận hành thiết bị nghiêm ngặt.

- Các phòng ban, phân xưởng chủ động phối kết hợp trong thực hiện và giải quyết công việc được giao với mục tiêu cao nhất là đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Tập trung đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm phôi thép có lợi thế về thị trường tiêu thụ.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành. Xây dựng hạ tầng CNTT tới các phòng ban của Công ty đáp ứng cho việc triển khai các hệ thống ứng dụng của chương trình tin học hóa, tự động hóa của Tổng công ty. Ứng dụng phần mềm dùng chung trong công tác quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

- Tăng cường sử dụng sản phẩm, dịch vụ, hỗ trợ trong Tổng công ty trên cơ sở đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh.

9. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

10. Báo cáo tác động liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

10.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn quan tâm đến công tác BVMT cũng như chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về môi trường. Công ty đã thành lập Phòng chuyên trách về An toàn - Môi trường, với nhiệm vụ, nghiên cứu các quy định pháp luật về môi trường, từ đó tham mưu cho Ban giám đốc thực hiện tốt các quy định BVMT. Công ty đã được cấp đầy đủ các giấy phép về môi trường như: Khai thác, sử dụng nước mặt, xả thải vào nguồn nước, Giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT, các quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), phê duyệt dự án phục hồi môi trường sau khai thác, sổ đăng ký chất thải nguy hại (CTNH)...

Đối với các nguồn thải phát sinh trong quá trình hoạt động như nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt đều được dẫn về các bể phốt, hố ga lắng chặn trước khi thải ra môi trường. Riêng nước thải của Phòng thí nghiệm được đưa vào bể xử lý dung môi và hóa chất để trung hòa, xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường. Về khí thải, bụi tại phân xưởng thiêu kết và luyện gang, Công ty đã xây dựng các hệ thống lọc bụi tĩnh điện và lọc bụi túi vải; Chất thải rắn công nghiệp (chủ yếu là xỉ thải) phát sinh từ quá trình luyện gang, thép được Công ty tái sử dụng, bán cho đơn vị sản xuất xi măng. CTNH như dầu thải, ắc quy, giẻ lau nhiễm dầu, bộ lọc dầu... đều được chứa trong kho chất thải riêng biệt, đựng trong các thùng chứa có ký hiệu phân biệt theo Sổ đăng ký của chủ nguồn thải. Ngoài ra, hàng tuần, Công ty ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với doanh nghiệp có chức năng để đưa về bãi rác của Thành phố xử lý.

Vệ sinh, quét dọn mặt bằng công nghiệp, tỉa cây, nhổ cỏ; Trồng cây xanh làm đẹp cảnh quan môi trường; Nạo vét bùn thải toàn bộ hệ thống mương rãnh thoát nước mặt của khu Liên hợp và bùn tại mương thủy lợi dưới chân bãi thải số 3.

Quan trắc chất lượng môi trường nước thải, khí thải định kỳ, xử lý các nguồn phát sinh chất thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Lập hồ sơ xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án tại khu nam mỏ sắt Nà rủa và lập hồ sơ báo cáo xin điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường khu bắc căn cứ theo thiết kế điều chỉnh khai thác mỏ.

Trong năm không xảy ra các sự cố về môi trường.

10.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công tác đời sống xã hội, phong trào công nhân viên chức có sự tiến bộ mạnh mẽ, vượt qua mọi khó khăn, lao động sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

10.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như việc cùng tham gia vào các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, quyên góp ủng hộ các gia đình có điều kiện khó khăn,...

Năm 2018, về cơ bản phòng đã tham mưu cho Lãnh đạo Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ quân sự; Xây dựng, lập kế hoạch, phương án bảo vệ quân sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ kế hoạch được giao; Triển khai, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các văn bản chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền theo quy định; Tổ chức triển khai, phối hợp tốt với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương đảm bảo giữ gìn tốt an ninh trật tự, an toàn xã hội, không để xảy ra tình hình mất ANTT có tính chất nghiêm trọng. Doanh nghiệp thường xuyên tăng cường tuần tra bảo vệ canh gác trong trong sản xuất và tăng chủ động trực ca trong các ngày lễ, tết đảm bảo an toàn trong Công ty và dân cư xung quanh địa bàn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo các phòng ban xây dựng các kế hoạch hành động phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty nhằm tư vấn, giám sát việc thực hiện chiến lược và hạn chế rủi ro.

- Tập trung hoàn thiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2018 tới các phòng ban trong toàn Công ty.

- Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện đúng theo nghị quyết và yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông. Công ty đã tiếp nhận và triển khai đầy đủ những chính sách, định hướng do HĐQT vạch ra. Bảo đảm được mục tiêu kinh doanh, đồng thời vẫn bảo đảm những lợi ích và quyền lợi của người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết của HĐQT.

Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.

Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của CBCNV để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Công ty, đã tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị, đảm bảo chấp hành đúng quy định Công ty và pháp luật hiện hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tình hình kinh tế năm 2017, dự báo năm 2018 và các năm tiếp dự báo vẫn còn nhiều khó khăn do những tồn tại tích tụ và kéo dài từ nhiều năm trước. Song do nền kinh tế thế giới đang dần thoát khỏi suy thoái, tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp đang ghi nhận những con số khả quan, thị trường dần ổn định, nhu cầu tiêu thụ có sự tăng trưởng trở lại. Trước những khó khăn và thuận lợi trên, Hội đồng quản trị chỉ đạo làm tốt các nhiệm vụ sau:

- Công ty sẽ tiến hành xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế quy định theo hướng dẫn tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

- Trong trường hợp Điều lệ hiện tại chưa tuân thủ quy định Luật Doanh nghiệp hiện hành, Công ty sẽ sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty trên cơ sở tham chiếu Điều lệ Mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng và tuân thủ Luật Doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, để đạt được mục tiêu sản xuất kinh doanh đề ra, Hội đồng quản trị Công ty đang nhanh chóng triển khai các nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể là:

- Xác định rõ định hướng ngành nghề chủ yếu để xây dựng chiến lược đầu tư, chiến lược phát triển thị trường đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty.
- Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát đảm bảo cho các nghị quyết, quyết định của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ được thực thi trong toàn Công ty.
- Triển khai mạnh mẽ các giải pháp tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp; hoàn thiện và áp dụng các quy trình, phương thức quản trị doanh nghiệp thật sự khoa học, tinh gọn đảm bảo hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý.
- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động đối với Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin phục vụ quản lý.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Bảng số 13: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|---------------------------------|
| 1 | Ông Đào Minh Sơn | Chủ tịch HĐQT không điều hành |
| 2 | Ông Vương Thanh Giang | Thành viên HĐQT điều hành |
| 3 | Bà Trịnh Văn Tuấn | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 4 | Ông Phạm Thành Đô | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 5 | Ông Nông Minh Huyền | Thành viên HĐQT không điều hành |

⊕ Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên

ĐÀO MINH SƠN

- Số CMND : 013545813. Ngày cấp: 7/6/2012. Nơi cấp: Hà Nội

- Giới tính : Nam

- Ngày sinh : 01/8/1963

- Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú : Số 20, tổ 28, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội

- Số điện thoại liên lạc : 0912.466544

- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Máy và Thiết bị mỏ

- Quá trình công tác (nếu tóm tắt):

+ 04/1987-06/1990 : Kỹ sư, Mỏ thiếc Bắc Lũng, Sơn Dương, Tuyên Quang

- + 07/1990-10/1993 : Phó Quản đốc phân xưởng - Xí nghiệp thiếc Bắc Lũng, Sơn Dương, Tuyên Quang
 - + 11/1993-04/1995 : QĐ PX -XN thiếc Bắc Lũng, Sơn Dương, Tuyên Quang
 - + 05/1995-06/1996 : Đốc công Xí nghiệp liên doanh Vàng Việt – Nga
 - + 07/1996-12/1997 : Kỹ sư Công ty Kim loại màu Thái Nguyên
 - + 01/1998-04/1999 : Kỹ sư XN thiếc Bắc Lũng, Sơn Dương, Tuyên Quang
 - + 05/1999-09/1999 : PP SX - XN thiếc Bắc Lũng, Sơn Dương, Tuyên Quang
 - + 10/1999- 03/2003 : Phó giám đốc Xí nghiệp Liên doanh đồng Lào Cai
 - + 04/2003- 09/2003 : Phó Ban QLDA Tổ hợp đồng Sin Quyền Lào Cai
 - + 10/2003- 06/2006 : Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh đồng Lào Cai
 - + 07/2006-12/2006 : Phó TP Cơ điện - Tổng công ty Khoáng sản - TKV
 - + 01/2007-4/2011 : TP CD Vận tải - Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin
 - + 5/2011 - 6/2012 : TP TCCB và Đào tạo - Tổng công ty Khoáng sản
 - +7/2012-8/2015 : Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo kiêm Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin
 - + 8/2015 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV kiêm Phó Bí thư Đảng ủy Tổng công ty Khoáng sản - TKV.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV kiêm Phó Bí thư Đảng ủy Tổng công ty Khoáng sản - TKV.
- Số lượng cổ phần được uỷ quyền hoặc nắm giữ: 8.595.420 cổ phần

| | | |
|--------------------------|---|--|
| Họ và tên | : | TRINH VĂN TUẤN |
| - Số CMND | : | 012298607, công an Hà Nội cấp ngày 25/01/2011 |
| - Giới tính | : | Nam |
| - Ngày sinh | : | 05/07/1962 |
| - Quốc tịch | : | Việt Nam |
| - Dân tộc | : | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | : | Số 47, tổ 13, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội |
| - Địa chỉ hiện tại | : | Số 47, tổ 13, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội |
| - Trình độ chuyên môn | : | Kỹ sư điện |
| - Quá trình Công tác | : | |
| + Từ 06/1999 đến 03/2001 | : | Trưởng phòng kinh doanh tại Xí nghiệp xây dựng điện |
| + Từ 04/2001 đến 06/2002 | : | Phó Giám đốc tại Xí nghiệp lắp máy và xây dựng điện dân dụng |
| + Từ 12/2002 đến 10/2003 | : | Trưởng ban BCHCT tại Công ty cổ phần xây lắp điện I |
| + Từ 11/2003 đến 08/2005 | : | Giám đốc xí nghiệp lắp trạm và xây dựng tại Công ty cổ phần xây lắp điện I |
| + Từ 09/2005 đến 09/2007 | : | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ |

- phần thương mại và xây lắp công nghiệp Thăng Long*
- + Từ 10/2007 đến 03/2010 : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty cổ phần Xây lắp điện I
 - + Từ 04/2010 đến nay : Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty cổ phần Xây lắp điện I
 - + Từ 04/2011 đến nay : Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
 - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty cổ phần Xây lắp điện I
 - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 00 cổ phần
 - Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (CTCP Xây lắp điện I) : 10.788.226 cổ phần, chiếm 25,09% vốn điều lệ
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty : Thù lao thành viên HĐQT
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Họ và tên : VƯƠNG THANH GIANG

Đã trình bày tại mục Thành viên Ban Điều hành

- Họ và tên : PHẠM THÀNH ĐỒ**
- Số CMND : 012006390, công an Hà Nội cấp ngày 09/04/2012
 - Giới tính : Nam
 - Ngày sinh : 01/01/1978
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Địa chỉ thường trú : Tổ 34 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
 - Địa chỉ hiện tại : Tổ 34 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
 - Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
 - Quá trình Công tác
 - + Từ 2000 đến 2003 : Chuyên viên tại Vụ Kế hoạch và Đầu tư Bộ Công nghiệp
 - + Từ 2003 đến 2006 : Phó Giám đốc tại Công ty TNHH ĐP
 - + Từ 2006 đến 09/2014 : Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
 - + Từ 10/2014 đến nay : Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
 - + Từ 04/2015 đến nay : Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương

- + Từ 04/2011 đến nay : Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang;
+ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương.
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 1.548.747 cổ phần, chiếm 3,601% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (CTCP Cơ khí và khoáng sản Hà Giang) : 4.166.988 cổ phần, chiếm 9,69% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty : Thù lao thành viên HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Họ và tên : NÔNG MINH HUYỀN**
- Số CMND : 085020457, công an Cao Bằng cấp ngày 19/11/2009
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 11/11/1962
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 51 ngõ 072 Phố cũ, phường Hợp Giang, TP Cao Bằng
- Địa chỉ hiện tại : 51 ngõ 072 Phố cũ, phường Hợp Giang, TP Cao Bằng
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình Công tác
- + Từ 1985 đến 1997 : Chuyên viên tại Sở Công thương
- + Từ 1997 đến 2003 : Chuyên viên tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
- + Từ 2004 đến 10/2008 : Phó giám đốc tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
- + Từ 11/2008 đến 04/2016 : Giám đốc tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- + Từ 05/2016 đến nay : Trợ lý Tổng Giám đốc tại Tổng công ty Khoáng sản - TKV
- + Từ 11/2008 đến nay : Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trợ lý Tổng giám đốc tại Tổng Công ty Khoáng sản - TKV

- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 10.000 cổ phần, chiếm 0,023% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (Tổng công ty Khoáng sản – TKV) : 7.000.000 cổ phần, chiếm 16,28% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty : Thù lao thành viên HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận đề đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của công ty. HĐQT luôn cập nhật tình hình hoạt động của Công ty thông qua báo cáo của Ban Giám đốc. Chỉ đạo Ban Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao.

Trong năm HĐQT đã thường xuyên giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc và phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Ban thường vụ Đảng ủy, công đoàn Công ty để lãnh đạo thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội cổ đông. Có mối quan hệ chặt chẽ với Ban kiểm soát và cung cấp đầy đủ nghị quyết của các cuộc họp HĐQT.

Mọi hoạt động của Công ty đã thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ cũng như các quy chế trong từng lĩnh vực quản lý của Công ty đã ban hành làm cơ sở điều hành trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Các quy chế đã thực hiện theo pháp luật, Điều lệ hoạt động và thực tiễn kinh doanh trong cơ chế thị trường cùng với sự uỷ quyền cao nhất tạo điều kiện thông thoáng cho bộ máy viên chức quản lý lãnh đạo điều hành Công ty.

Trong quá trình điều hành, HĐQT đã chỉ đạo tốt việc quản trị chi phí từ khâu lập kế hoạch mua sắm vật tư, tổ chức lao động, thu hồi công nợ và các mặt quản lý của Công ty.

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|----|------------------|------------|--|
| 1 | Biên bản | 19/01/2018 | Họp Hội đồng quản trị |
| 2 | Phiếu biểu quyết | 19/01/2018 | VIMICO đứng ra ký hợp đồng mua quặng sắt và bán lại nguyên giá cho Công ty |
| 3 | 121/NQ-HĐQT | 19/01/2018 | Thông qua việc gia hạn hợp đồng bóc đất, khai thác năm 2017; |
| 4 | 122/NQ-HĐQT | 19/01/2018 | Thông qua kế hoạch SXKD năm 2018 |

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|----|---------------|------------|---|
| 5 | 123/NQ-HĐQT | 19/01/2018 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chủ trương thuê đơn vị tư vấn điều chỉnh đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu tái định cư dự án khai thác quặng sắt mỏ sắt Nà Rủa, tỷ lệ 1/500; - Thông qua chủ trương thuê đơn vị tư vấn Khảo sát địa hình, thiết kế bản vẽ thi công công trình: Bể thu gom xử lý nước mặt tại Khu liên hợp; - Thông qua chủ trương thực hiện đầu tư duy trì sản xuất năm 2018 tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng và Khai trường khu Nam mỏ sắt Nà Rủa |
| 6 | 124/NQ-HĐQT | 19/01/2018 | Thông qua phương án đầu tư hệ thống rải liệu lót bề mặt ghi thiêu kết tại Phân xưởng Thiêu kết với tổng mức đầu tư 1.142.837.334 đồng. |
| 7 | 125/NQ-HĐQT | 19/01/2018 | Thông qua chủ trương đầu tư xây dựng dây chuyền tuyển xỉ tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng |
| 8 | 260/NQ-HĐQT | 08/02/2018 | Thông qua KQLCNT gói thầu “Bóc đất, đá và khai thác quặng sắt năm 2018” (lần 1) - Không có nhà thầu trúng thầu. |
| 9 | 285/NQ-HĐQT | 12/02/2018 | Thông qua dự toán, giá gói thầu và KH LCNT gói thầu “Bóc đất, đá và khai thác quặng sắt năm 2018” (lần 2) |
| 10 | 206/QĐ-HĐQT | 12/02/2018 | Phê duyệt dự toán, giá gói thầu và KH LCNT gói thầu “Bóc đất, đá và khai thác quặng sắt năm 2018” (lần 2) |
| 11 | 369/NQ-HĐQT | 10.03.2018 | Thông qua KHLCNT các công trình phục vụ duy trì hoạt động sản xuất năm 2018 với các nội dung như Tờ trình số 20/TTr-GTCB 07/03/2018 |
| 12 | 258/QĐ-HĐQT | 10.03.2018 | Phê duyệt KHLCNT các công trình phục vụ duy trì hoạt động sản xuất năm 2018 với các nội dung như Tờ trình số 20/TTr-GTCB 07/03/2018 |
| 13 | 372/NQ-HĐQT | 12.03.2018 | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2018 |
| 14 | 512/NQ-HĐQT | 04/04/2018 | Thông qua KQLCNT (lần 2) gói thầu “Bóc đất, đá và khai thác quặng sắt năm 2018” - Đơn vị trúng thầu: Công ty Cổ phần ĐTXD hạ tầng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc |
| 15 | 341/QĐ-HĐQT | 04/04/2018 | Phê duyệt KQLCNT (lần 2) gói thầu “Bóc đất, đá và khai thác quặng sắt năm 2018” |
| 16 | Biên bản | 09/4/2018 | Họp Hội đồng quản trị |
| 17 | 543/NQ-HĐQT | 09/04/2018 | Thông qua việc vay vốn ngắn hạn tại BIDV Cao Bằng với hạn mức tối đa là 371 tỷ đồng (đã bao gồm cả chi phí bảo lãnh) |
| 18 | 543a/NQ-HĐQT | 09/4/2018 | - Thông qua Phương án hợp tác đầu tư và Hồ sơ mời hợp tác đầu tư Khu Bắc mỏ sắt Nà Rủa với các nội dung như Tờ trình số 22/TTr-GTCB ngày 12/3/2018 |

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|----|---------------|------------|--|
| | | | (Kèm theo Phương án và Hồ sơ mời) - Thông qua chủ trương đầu tư mua sắm máy phân tích quang phổ phát xạ phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng, giá trị 1,2 tỷ đồng. |
| 19 | 544/NQ-HĐQT | 09/04/2018 | Phê duyệt Quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2017, giá trị 69.842.375.737 đồng. |
| 20 | 546/NQ-HĐQT | 09/04/2018 | Thông qua chủ trương ĐTXD dây chuyền trung hòa quặng sắt và dây chuyền tuyển xỉ tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng. |
| 21 | 354/QĐ-HĐQT | 10/04/2018 | Phê duyệt Quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2017, giá trị 69.842.375.737 đồng. |
| 22 | 648/NQ-ĐHĐCĐ | 27/4/2018 | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 + Biên bản họp ĐHĐCĐ 2018 |
| 23 | 900/NQ-HĐQT | 21/6/2018 | Thông nhất chủ trương đề nghị VIMICO có văn bản cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm và điều kiện tín dụng đối với khoản vay tại BIDV Cao Bằng |
| 24 | Biên bản | 12/7/2018 | Biên bản họp Hội đồng quản trị |
| 25 | 1029/NQ-HĐQT | 12/7/2018 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2018 và Chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng cuối năm 2018; - Thông qua Quy định về nguyên tắc, mối quan hệ giải quyết công việc và phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng; - Thông qua các Quy chế quản lý của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Quy chế quản lý công tác tiêu thụ sản phẩm; + Quy chế quản lý lao động, tiền lương; + Quy chế thi đua khen thưởng; + Quy chế tài chính. - Thông qua Quy định Quy trình tiêu thụ sản phẩm phôi thép thông qua VIMICO. - Thông qua Quy định Quy trình mua bán nguyên nhiên liệu thông qua VIMICO. - Thông qua việc lựa chọn đơn vị: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty với Chi phí kiểm toán là 60.500.000 đồng (đã bao gồm VAT). - Thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình “Xây dựng hệ thống rải liệu lót bề mặt ghi thiêu kết tại Phân xưởng Thiêu kết” với Tổng mức đầu tư: 1.298.287.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT). - Thông qua chủ trương và giao Giám đốc Công ty xây dựng Đề cương, dự toán, kế hoạch đầu tư 03 Nội dung đầu tư sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Ứng dụng khoa học về khoáng sản và Hợp tác đầu |

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|----|---------------|------------|---|
| | | | <p>tư trong việc: Thu hồi quặng sắt từ quặng đuôi thải và Xử lý bùn thải tại các ao lắng, hồ xử lý môi trường nước thải Xưởng tuyển Mỏ sắt Nà Rua.</p> <p>+ Đầu tư 02 máy nghiền trục đứng phục vụ sản xuất tại Phân xưởng Tuyển khoáng - Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.</p> <p>+ Xây dựng hệ thống quan trắc khí thải tự động tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.</p> <p>- Thông qua chủ trương tiếp tục thuê chuyên gia Trung Quốc vận hành tại các vị trí chủ chốt của Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng. Số lượng chuyên gia không quá 15 người, thời gian thuê là 01 năm. Giám đốc Công ty quyết định lựa chọn các vị trí phù hợp đảm bảo hiệu quả sản xuất.</p> <p>- Thông qua chủ trương bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng Cơ điện đối với ông Nguyễn Văn Bảo và chức danh Quản đốc phân xưởng Tuyển Khoáng đối với ông Hoàng Huy Bình. HĐQT giao GD Công ty tổ chức triển khai thực hiện quy trình bổ nhiệm theo Quy chế cán bộ của Công ty và các Quy định hiện hành.</p> <p>- Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng đối với ông Nguyễn Văn Viên; Thông qua việc giao nhiệm vụ ông Đỗ Ngọc Hải phụ trách công tác tài chính kế toán của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng và Bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2020 với chức danh Kế toán trưởng Công ty, sau khi Giám đốc Công ty tiếp nhận ông Đỗ Ngọc Hải về làm việc tại Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng kể từ ngày 16/7/2018.</p> |
| 26 | 1932/NQ-HĐQT | 29/11/2018 | <p>- Thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD 10 tháng năm 2018 và Dự kiến thực hiện cả năm 2018.</p> <p>- Thông qua việc điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2018.</p> <p>- Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2019.</p> <p>- Thông qua Kế hoạch SXKD 5 năm 2019 - 2023.</p> <p>- Thông qua chủ trương cho Công ty lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm lập thiết kế bản vẽ thi công Khai thác mỏ điều chỉnh của dự án Đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua.</p> <p>- Thông qua chủ trương lựa chọn đơn vị tư vấn để lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua.</p> <p>- Thông qua chủ trương lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện nội dung đánh giá kết thúc, đánh giá tác động theo quy định của pháp luật về giám sát và đánh giá đầu tư Dự án khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.</p> |

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|----|---------------|------|---|
| | | | - Thông qua chủ trương cho Công ty thanh lý tài sản, vật tư, vật liệu không có nhu cầu sử dụng theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. - Thông qua Quy chế quản lý công tác vật tư (sửa đổi, bổ sung) của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng. - Thông qua việc sửa đổi Quy định Quy trình tiêu thụ phôi thép thông qua VIMICO. - Thông qua việc sửa đổi Quy định Quy trình mua bán nguyên nhiên liệu thông qua VIMICO. |

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Bảng số 14: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|--------------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thanh Hương | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2 | Ông Đào Văn Anh | Thành viên Ban kiểm soát |
| 3 | Ông Lê Văn Lương | Thành viên Ban kiểm soát |

↳ Lý lịch của thành viên Ban Kiểm soát:

| | | |
|--------------------------|---|--|
| Họ và tên | : | NGUYỄN THANH HƯƠNG |
| - Số CMND | : | 001184010345, do CSĐKQL Cư trú và DLQG về DC cấp ngày 29/10/2015 |
| - Giới tính | : | Nữ |
| - Ngày tháng năm sinh | : | 10/06/1984 |
| - Quốc tịch | : | Việt Nam |
| - Dân tộc | : | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | : | Ngọc Lâm, P Ngọc Lâm, Q Long Biên, TP Hà Nội. |
| - Địa chỉ hiện tại | : | Ngọc Lâm, P Ngọc Lâm, Q Long Biên, TP Hà Nội. |
| - Trình độ chuyên môn | : | Thạc sỹ kinh tế |
| - Quá trình Công tác | : | |
| + Từ 07/2006 đến 01/2011 | : | Trợ lý kiểm toán, trưởng nhóm kiểm toán, Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) |
| + Từ 02/2011 đến 3/2014 | : | Kiểm toán viên Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC |
| + Từ 04/2014 đến 12/2015 | : | Kiểm toán viên, Phó trưởng phòng kiểm toán, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC |
| + Từ 01/2016 đến 11/2016 | : | Chuyên viên phòng Tài chính kế toán - Công ty CP Xây lắp Điện I |
| + Từ 12/2016 đến 3/2017 | : | Phó phòng Quản trị Tổng hợp - Công ty CP Xây lắp điện I |

- + Từ 04/2017 đến nay : Trưởng phòng Quản trị Tổng hợp - Công ty CP Xây lắp điện I
- + Từ 04/2017 đến nay : Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trưởng phòng Quản trị Tổng hợp – Công ty CP Xây lắp điện I
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : Không
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty : Thù lao Trưởng Ban kiểm soát
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Họ và tên** : **LÊ VĂN LƯƠNG**
- Số CMND : 013429111. Ngày cấp: 21/5/2011. Nơi cấp: Hà Nội

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 01/9/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Phòng 516, nhà K1, Khu đô thị Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội

- Địa chỉ hiện tại : Phòng 516, nhà K1, Khu đô thị Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội

- + Từ 06/1991 đến 01/1998 : Công nhân luyện kim XN, Công ty KLM Thái Nguyên
- + Từ 02/1998 đến 12/2001 : Công nhân Công ty KLM Thái Nguyên
- + Từ 01/2002 đến 06/2003 : Công nhân công ty KLM Thái Nguyên
- + Từ 07/2003 đến 12/2004 : Chuyên viên đội xe vận tải Công ty KLM Thái Nguyên
- + Từ 01/2005 đến 6/2006 : Chuyên viên Phòng TCLĐ Công ty KLM Thái Nguyên
- + Từ 07/2006 đến 6/2007 : Chuyên viên phòng TCLĐ Công ty KLM Thái Nguyên
- + Từ 07/2007 đến 04/2009 : Chuyên viên Phòng LĐTL Tổng công ty khoáng sản TKV

- + Từ 05/2009 đến 5/2009 : Chuyên viên phòng TCLĐ Công ty KLM Thái Nguyên
- + Từ 06/2009 đến 06/2009 : Chuyên viên Phòng TCHC Công ty Luyện đồng Lao Cai

- + Từ 07/2009 đến 8/2010 : Phó trưởng phòng TCHC Công ty Luyện đồng Lào Cai
- + Từ 08/2010 đến 10/2010 : Chuyên viên Phòng LĐTL Tổng công ty khoáng sản TKV
- + Từ 11/2010 đến 4/2015 : Phó trưởng phòng LĐTL Tổng công ty khoáng sản TKV
- + Từ 04/2015 đến 01/2018 : Trưởng phòng TCHC Công ty CP gang thép Cao Bằng
- + Từ 01/2018 đến nay : Phó Trưởng phòng TCLĐ Tổng công ty khoáng sản TKV
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : Không
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty : Thù lao Trưởng Ban kiểm soát
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Họ và tên** : **ĐÀO VĂN ANH**
- Số CMND : 004177000003, nơi cấp CA TP Hà Nội, ngày cấp 01/07/2014
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 17/09/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tổ 22 Thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại : Tổ 22 Thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình Công tác
- + Từ 2000 đến nay : Chuyên viên phòng tài chính kế toán tổng công ty khoáng sản TKV
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : Không
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty : Thù lao Trưởng Ban kiểm soát
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

– Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

– Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

– Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

– Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tình trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Bảng số 15: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, BKS

| TT | Chức danh | Số lượng | Tiền thù lao đồng/người/tháng | Số tháng | Tiền thù lao đồng/năm |
|----|------------------|----------|-------------------------------|----------|-----------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 2.400.000 | 12 | 28.800.000 |
| 2 | Thành viên HĐQT | 4 | 2.100.000 | 12 | 100.800.000 |
| 3 | Trưởng BKS | 1 | 2.100.000 | 12 | 25.200.000 |
| 4 | Ủy viên BKS, Tký | 3 | 1.900.000 | 12 | 68.400.000 |
| | Cộng | 9 | | | 223.200.000 |

(Nguồn: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng)

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị Công ty:

Không có.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng tại

ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2018 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 được đăng tải trên website của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng: <http://gtcb.com.vn/>

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Cổ đông;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



VUÔNG THANH GIANG

SECRET

UNITED STATES DEPARTMENT OF THE ARMY
HEADQUARTERS, ARMY AIRCRAFT DIVISION
WASHINGTON, D. C. 20315

TO: SAC, [illegible]

FROM: [illegible]

SUBJECT: [illegible]



[illegible text]

[illegible text]

[illegible text]

FOR THE DIRECTOR, ARMY AIRCRAFT DIVISION



[illegible text]

[illegible text]